

TUAN BAO RA NGAY THU BAY

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HỒE

TRONG SO NÀY :

- | | |
|---|--------------------|
| — Vài văn-tiểu kinh-tế sau cuộc chiến tranh | VŨ VĂN HIỀN |
| — Hiến - pháp Trung - hoa với nguyên tắc phân quyền | PHAN ANH |
| — Điều tra nhỏ: Nghề làm giấy bản để in | TAO HOÀI |
| — Nghề chăn nuôi trâu bò ở xứ ta (Tiếp theo) | NGHIÊM XUÂN YÊM |
| — Sử liệu: Bia lăng Cha (bản dịch) Cả | TRƯƠNG CHÍNH dịch |
| — Lôi vũ (Bi kịch của Tào Nga — tiếp theo) | ĐẶNG THÁI MAI dịch |
| — Bọn gái viết: Đám cưới (Truyện ngắn) | CÔ ANH THƠ |
| — Trích thuật sách báo | TRỌNG ĐỨC |
| — Việc quốc tế | Đ. Đ. Đ. |

NĂM THỨ TƯ: SỐ 86 — NGÀY 7 OCTOBRE 1944

TÒA BÁO: 15 PHỐ HÀNG DÀ HANOI — Giá số: 19.43 — GIÁ 0.50

GIÁ BÁO, — BẠC-KỲ, TRUNG-KỲ, NAM-KỲ, CAO-MIÊN, LÃO 3 th. 8\$00, 6 th. 11\$00, 12 th. 20\$04

BAO THANH - NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM—PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH

Trong số 14 Octobre 1944

- | | |
|--|------------------------|
| — Vài vấn-đề kinh-tế sau cuộc chiến tranh (tiếp theo và hết) . . . | VŨ VĂN HIỀN |
| — Quyền lập pháp trong Hiến-pháp Trung-hoa, | PHAN ANH |
| — Tiểu thuyết Pháp trước cuộc chiến tranh hiện thời | TRỌNG ĐỨC |
| — Vua Tự-dức với việc kinh lược, | NGUYỄN THIỆU LÂU |
| — Lá thư (Truyện ngắn của Somerset Maugham) | LÊ BÌNH CHÂN dịch |
| — Xã-hội Việt-nam từ thế-kỷ thứ XVII. | NGUYỄN TRỌNG PHẤN dịch |
| — Lôi vũ (Bi kịch của Tào Ngưu — tiếp theo) | ĐẶNG THAI MAI dịch |
| — Ý kiến bạn đọc: Tìm việc. | NGUYỄN HỮU THỨ |

SÁCH MỚI

Bản báo mới nhận được :

— VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ YẾU của Dương Quảng Hàm, ĐẠI NAM HÌNH PHÁP của Lê Trung Chính do Xuân Thu xuất bản.

— CUỘC ĐỜI LY KỶ VÀ GIAN NAN CỦA RÔ-BIN-SƠN, GÓI THUỐT LÁ của Thế Lữ và PHẢN THÔNG VANG của Xuân Diệu do Đời Nay xuất bản.

— QUI LIVE DU KÝ Nguyễn văn Vinh dịch, TÁM HỒN CAO THƯỢNG Hà mai Anh dịch và LỤC SỨC TRANH CÔNG do thư-xã Alexandre de Rhodes xuất bản.

— BÉ CŨNG ANH HÙNG của Ngô bích San và VẾT MIÊU của Hoàng đạo Thọ do Sách Hoa Xuân xuất bản.

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và giới thiệu cùng bạn đọc.

CẢI CHÍNH

Bài Tiểu thuyết Tồn đăng trong số 83, trang 22, chỗ: Hai bộ truyện hay nhất của Pei-li-Shi và Chiao Tang Shi và trong bộ tiểu thuyết trứ danh của Hui Chen Chi xin đọc là Hai bộ truyện hay nhất là Pei-li-Shi và Chiao Tang Shi và trong bộ tiểu thuyết trứ danh là Hui Chen Chi.

ĐÃ CÓ BẢN

CON TRỜI NGÃ XUỐNG ĐẤT ĐEN

(Việt sử chí di) của ĐÀO BÌNH NHẤT

160 trang — Giá 3\$20

SẼ XUẤT BẢN

ANH THƯ ĐỜI MẠC

(Lịch sử tiểu thuyết) của CHU THIÊN

ĐỀ HIỂU ÂM NHẠC

(Tủ sách âm nhạc) của VĂN HOA

LỌAI SÁCH GIA ĐÌNH GIAO DỤC

SẼ XUẤT BẢN

LÒNG CHA của NGUYỄN KHẮC MÂN

CON MỌI IT

TRÊ THƠ của NGUYỄN ĐỨC CHÍNH

Hình ảnh một tuổi hoa niên thơm ngát phác họa một quãng đời thơ trẻ nổi nôi và trong sáng. Ba cliché ba màu mỹ thuật — Giá 1\$50.

Nhà xuất bản: NGƯỜI BỐN PHƯƠNG

— Giám đốc: Bồ xuân Giảng —

6, Đường hành, Giày nói: 212 Hanoi

Vai vãn đề kinh tế SAU CUỘC CHIẾN TRANH

IU VĂN HIỀN

Trong những vấn-đề kinh-tế mà rồi đây nước nào cũng phải giải-quyết sau khi chiến tranh đã kết-liệu, ai cũng biết là sẽ có vấn-đề tu-bổ những miền, những thứ đã bị chiến-tranh tàn phá.

Những thành phố, những mỏ, những nhà máy nay chỉ còn là những đồng đá đồng gạch sẽ rồi phải xây dựng lại; những vùng thôn quê vì thiếu nhân-công hay vì đã làm bãi chiến-trường sẽ phải khai khẩn lại; người ta sẽ phải đóng lại hàng triệu tấn thương-thuyền hiện bị chôn vùi dưới đáy bể, dựng lại hàng nghìn chiếc cầu, làm lại hàng vạn cây số đường sắt và đường đi cùng đời mới những cơ-quan vận tải đã bị hao mòn mỗi mết vì đã dùng quá nhiều trong thời kỳ chiến-tranh. Đây là chưa kể sự cần thiết phải chỉnh đốn ngay sự cung cấp và phân phát những thứ cần cho sức khỏe của dân chúng (thực phẩm, quần áo thuốc thang); và sự cần thiết phải tích trữ những nguyên liệu, bộ-phận máy móc và nhiều thứ khác cần cho sự tiếp-tục của công việc sản xuất ..

Để làm những công việc ấy, người ta phải quan-tâm đến những vấn-đề nhân-công, nguyên-liệu và tài-chính.

Tại các nước dự-chiến hàng triệu người trai tráng đã chết hay bị tàn tật về chiến-tranh; người ta phải giải-ngũ cho quân-lính quay về làm công-việc lúc bình-thời. Nhưng ta không nên quên rằng trong thời kỳ chiến tranh bao nhiêu việc đã phải ngừng lại để cho sự hoạt-động kinh-tế chỉ chú trọng vào công-cuộc kháng-chiến; chiến tranh xong những ngành đã bị ngừng trệ lại bắt đầu hoạt động như vậy thế nào người ta cũng sẽ thấy thiếu nhân công như sau hồi đại-chiến 1914-18.

Tuy nhiên đó không phải là một vấn-đề khó khăn, quá đáng: tại những nước đã kỹ-nghệ-hóa người ta có thể dùng thêm cơ-khi. Còn như tại những xứ vốn dĩ nhân-mãn thì sự cần dùng nhiều nhân-công chỉ có lợi là làm cho trình-độ sinh-hoạt của quần chúng được tăng cao và người ta chỉ phải giải quyết một vấn-đề là giáo-hóa cho những người « phu » không chuyên-nghệp, thành những người thợ có một nghề cần cho công-cuộc tu-bổ của quốc-gia mà thôi.

Về phương-diện nguyên-liệu, ở xứ nào những mỏ, rừng, ruộng đất đã bị chiến-tranh làm cho tàn hại hay kiệt-quệ thì sự tu-bổ sẽ gặp nhiều sự khó khăn. Nhưng ở nơi nào những nguồn lợi thiên nhiên còn nguyên vẹn thì không những sự phong-lỏa do chiến-tranh gây ra đã thúc dục phải khai thác những nguồn lợi ấy; mà sự tu-bổ sau cuộc chiến-tranh còn mở thêm thị-trường để tiêu-thụ sản-phẩm, còn là một cơ-hội khuyến-khích thêm sự khai thác ấy. Mà sự khuyến-khích ấy sẽ không dành riêng cho một ngành

hoạt-động nào; nó sẽ cung cho toàn-thể cả nền kinh-tế: những thứ trong nước cần dùng thì nhẽ tất-nhiên phải sản-xuất nhiều hơn; những cái của những thứ trong nước đã có thừa cũng phải sản-xuất nhiều hơn nữa, vì có số thừa ấy thì nơi có thừa đem bán cho nước ngoài để đổi chác lấy những thứ mà trong nước vẫn thiếu hay chưa sản-xuất kịp.

Nhưng muốn lợi-dụng và giáo-hóa nhân-công đã sẵn có, cùng khai-thác những nguồn lợi thiên-nhiên đều cần phải có tiền, mà phải có nhiều tiền thì mới làm xong được những công việc đồ-sộ kể trên kia.

Về phương-diện nội-trị, phải lo về tài-chính nhiều nhất, là các quốc-gia, vì quốc-gia bao giờ cũng là người tiêu nhiều nhất. Không những thế, sau mỗi cuộc chiến-tranh, quốc-gia còn vừa phải sửa chữa những cái của mình bị tàn phá, vừa phải giả những món nợ đã vay để kháng chiến lại vừa phải cứu giúp, đền bù cho những tư-nhân đã bị thiệt-hại vì chiến-tranh, hoặc là thiệt-hại về sinh-mệnh hoặc là thiệt-hại về tài-sản. Vì thế số chi-tiêu của chính-phủ sau mỗi cuộc chiến-tranh không những không giảm được mà nhiều khi còn tăng gấp hơn trong thời-kỳ chiến-tranh.

Vậy người ta sẽ lấy tiền ở đâu để giữ cho ngân-sách được thăng bằng?

Trước hết phải nghĩ đến tăng thuế; mà thứ thuế hợp-thời và công bằng nhất sẽ là thuế đánh vào những lợi-lức to và nhất là đánh vào những tài-sản do bọn khéo lợi-dụng thời-cơ đã gây dựng một cách vội-vã trong thời-kỳ chiến-tranh: trong và sau cuộc chiến-tranh 1914-18, hầu khắp các nước Âu-châu đều đặt thuế về « lợi-lức chiến-tranh » (*impôt sur les bénéfices de guerre*). Thứ thuế ấy đem lại cho công-quỹ một số thu rất to; nhưng tại Âu-châu người ta đã nghiệm thấy rằng thứ thuế đó có thể thi-hành được hay không và thi-hành-then có hiệu-quả hay không, là do ở « màu sắc chính-trị » và quyền hành của chính-phủ, cùng là do ở sự tổ-chức của các đoàn-thể trong nước.

Trong thời-kỳ chiến-tranh các chính-phủ còn có một cách để gia tăng số thu, là phát hành những phiếu của công-khố để giả thay cho giấy bạc và vay tiền nhà ngân-hàng phát-phiếu (tức là ngân-hàng có độc-quyền phát hành giấy bạc), như thế tức là bắt buộc nhà ngân-hàng in thêm giấy bạc. Hai cách đó cùng dẫn đến một kết quả là làm tăng số tiền lưu hành trong dân gian, trong khi sự sản xuất các hóa-phẩm vẫn đứng yên hay là bị sút kém đi.

Sau cuộc đại-chiến trước, người ta đã thấy rằng sự « lạm phát » (*inflation*) ấy, bắt đầu từ khi có chiến-tranh khốc-lòng mà hết ngay được sau khi chiến-tranh kết-liệu. Trái lại những khoản chi-tiêu bất thường sau cuộc chiến-tranh đã làm cho ngân-sách nhiều nước bị hao-hụt luôn trong bao nhiêu năm và đã làm cho tại nhiều nước số giấy bạc cứ in thêm nhiều mãi, khiến cho sau cùng tiền-tệ so với vàng không còn có một chút giá trị gì nữa. Rồi cùng với sự lạm-phát người ta thấy giá hàng ngày một cao, giá sinh-hoạt tăng gấp bội, những thợ thuyền, viên-chức, tất cả những người sống về một số lương nhất định bị lâm vào cảnh khổn quẫn, trong khi bọn đầu cơ phó-trương một cách ngạo-nghe những tài-sản vừa « đánh lặt » được.

Một đảng tăng thêm hay ít nhất cũng phải giữ nguyên số giấy bạc lưu-hành để cho nền kinh-tế khỏi phải ngừng trệ vì thiếu tiền giữa lúc cần phải hết sức hoạt-động. Một đảng khác thì phải giữ cho giá sinh hoạt khỏi tăng, giá cả được vững, để tránh những sự bất công và rối loạn về xã-hội.

(Xem tiếp trang 26)

HIẾN-PHÁP TRUNG-HOA VỚI NGUYÊN TẮC PHÂN QUYỀN

PHAN ANH

Trong lịch-sử chính trị, thường hay có những trào lưu tư tưởng hành tri. Ông một cách lạ thường. Trong số đó, ta có thể kể thuyết *phân quyền* nó đã khởi thủy từ Âu-châu mà đã đi vòng quanh thế giới cuốn trôi biết bao nhiêu chế độ chuyên chế trong hai thế kỷ vừa qua

Như ở Á đông ta ngày nay muốn nói chuyện chính-trị thì phải biết Karl Marx, thì cách đây 50 năm về trước muốn nói đến chính trị ai mà chẳng phải biết tên Montesquieu. Montesquieu mà nhà nhỏ ta gọi là Mạnh-Đức Tư - Cưu có lẽ là nhà chính-trị học Thái Tây có tiếng nhất đối với chính - giới lâu và ta vào khoảng 50 năm về trước. Thuyết phân quyền của ông đã được các nhà chính-trị học Trung Hoa rất chú ý.

Trong bộ Âm-Băng, Lương-khải-Siêu đã dành riêng một tiết đề bàn về vấn đề «*phân quyền lập pháp và hành chính*», và trong đó, tiên sinh có viết: «*lập pháp hành chính phân quyền chi sự, Thái Tây tạo dĩ hành chi; cập Pháp nho Mạnh Đức Tư-Cưu ích xiển minh kỳ lý, xác định kỳ phạm vi, các quốc chính trị nãi tch tiến hóa yền. Nhị giả chỉ nghị phân bất nghị hợp, kỳ sự bản thậm dị minh: nhân chi hữu tâm hồn dĩ tư ý chí, hữu quạn chi dĩ tư hành vi, lưỡng cái hữu chức nhi bất năng hồn giả dã. Bĩ nhân cách chi quốc gia hà độc bất nhiên?*» (chia quyền lập pháp, hành chính, bên Thái Tây đã thi hành từ lâu; rồi đến Pháp nho là Mạnh-Đức Tư Cưu nói rõ thêm ý nghĩa định rõ thêm phạm vi; chính trị các nước bên tiến hóa thêm. Hai quyền ấy nên chia, không nên hợp lại, kể ra cũng rất dễ hiểu: người ta có tâm hồn để làm việc ý chí, có

quan chi để sai khiến về hành vi, mỗi bên đều có chức phận riêng trong thế lớn được. Vậy đối với quốc gia, sao lại không thế?)

Đem ví đoán thế với cá nhân, và coi sự phân quyền như một lẽ dĩ nhiên của bản tính xã-hội, đó là một luận điệu rất thịnh hành về thời đại của Lương tiên sinh, thịnh hành cả ở Đông và ở Tây. Nhưng, lối nghị luận ấy trái ấy mà nội nhĩa chính trị học ngày nay, ông J. Barthelemy, tặng cho danh hiệu là «*ngộ luận siêu hình*» (discussion métaphysique), đã dần dần bị đào thải. Người ta đã nhận thấy rằng sự phân quyền không phải là một định luật thiên nhiên, nó chỉ là một phương pháp chính trị để ngăn cản sự lạm quyền mà thôi. Đã là một phương pháp chính trị, thì nó không bất di bất dịch. nó có thể tùy cơ thay đổi, can cứ vào hoàn cảnh thực tế từng thời đại, từng địa phương chứ không quy theo một định lệ đại cương nào cả

So với Lương Khải Siêu, thì Tôn Văn đã thuộc vào một thế hệ tân tiến hơn, cho nên ý kiến của ông về thuyết phân quyền đã xác-thực hơn. Trong một bài diễn thuyết đầu đề là: «*Trung-quốc tiền đồ vấn đề*» (Trung-Son diễn giảng tập tr. 6), Tôn có nói: «*huynh đệ lịch quan các quốc dĩch hiến pháp, hữu văn hiến pháp, thị Mỹ quốc tối hảo; vô văn hiến-pháp, thị Anh quốc tối hảo, Anh thị bất năng học dĩch, Mỹ thị bất tã học dĩch. Anh dĩch hiến-pháp sở vị tam quyền phân lập, hành chính quyền, lập pháp quyền, tài phán quyền, các bất tương thống; giá thị từng lục, thực bất h niên tiền, do tiện nhi sinh, thanh li u lập quán, hạn giới hạn hoàn nội hữu thanh sơ*

Tùng lại Pháp quốc Mạnh Đức Tư Cửu, tương Anh quốc chế độ, tác vi căn bản, tham hợp tự kỷ đích lý tưởng, thành vi nhất gia chi học. Mỹ quốc hiến pháp hiệp tương Mạnh Đức Tư Cửu học thuyết, tác vi căn bản bản ná tam quyền giới hạn, cánh phân đắc thanh sở, tại nhất bách niên tiền, toàn thị tối hoàn mỹ đích liễu; nhất bách nhị thập niên dĩ lai, tuy sở thứ tu cải ná đại thể nhưng nhiên thị vị cải đích, đại thị giá bạch dư niên gian Mỹ quốc vẫn minh, nhất nhạ tiền bộ, thổ địa tài sản, đã thị tang du bát dị. Dương thời đích hiến-pháp hiện tại dị kinh thị bất thích dụng đích liễu; nhưng đê đích ý tứ, tương-lai Trung-hoa dân quốc đích hiến-pháp, thị yếu sáng nhạ chương tăn chủ nghĩa khiêu tổ « Ngũ quyền phân lập » (Gõi xem qua hiến-pháp các nước, hiến-pháp viết thì có hiến-pháp Mỹ quốc là hay nhất, hiến-pháp không viết thì có hiến-pháp Anh quốc là hay nhất. Nhưng nước Anh ta không thể theo được mà nước Mỹ ta cũng đại tat phai theo. Trong hiến-pháp nước Anh, tam quyền phân-lập tức là hành chính quyền, lập pháp quyền tại phán quyền không chung vào làm một. Do là do từ 6, 7 trăm năm về trước dân dân sinh ra thành tập quan, nhưng giới hạn vẫn chưa định rõ ràng. Về sau này người Pháp là Mạnh Đức Tư Cửu lấy chế độ Anh quốc làm căn bản, lại tham hợp ý kiến của mình vào nữa, làm thành một thuyết. Hiến-pháp Mỹ quốc lại lấy học thuyết của Mạnh Đức Tư Cửu làm căn bản, đem giới hạn tam quyền phân định rõ ràng hơn, về một trăm năm về trước thì thật là hoàn mỹ vậy. Từ một trăm hai mươi năm nay, tuy mấy lần sửa chữa, mà đại thể vẫn nguyên; nhưng mà trong khoảng trăm năm ấy, văn minh Mỹ quốc ngày càng tiến bộ, đại đại của cải tăng mãi không ngừng, cho nên hiến-pháp ấy không thể thích dụng được nữa. Theo ý tôi, hiến-pháp của Trung-Hoa Dân-quốc về sau này phải lập theo một chủ nghĩa mới gọi là « ngũ quyền phân-lập »).

Xem đó thì biết Tôn Văn đã nhận thấy chân diện của vấn đề phân quyền, là *giới hạn chức vụ của những cơ quan chính-trị*, và đối với Tôn, sự phân quyền không phải là nhất định là phải đặt ra ba quyền như nhiều người vẫn tưởng, Tôn đã không ngần ngại mà đặt ra những năm quyền.

Ta đã có dịp xét giá trị sự phân lập ngũ quyền, (xem bài nói về quyền khảo thí và quyền giám sát) và ta sẽ còn có cơ hội xét lại nữa trong một chương sau, nói về những quyền lập pháp, hành chính và tư pháp; hiện nay ta hãy xét qua một vấn đề bao trùm cả những vấn đề này, là vấn đề « *phân biệt giới hạn trị quyền* »

Nói đến *trị quyền* thì ngày nay người ta chỉ nghĩ tới *quyền hành chính* và *quyền lập pháp*; nó là hai cột trụ của những chính thể ngày nay còn như quyền khác như quyền tư pháp (của các hiến pháp Âu Mỹ) quyền giám sát và khảo thí (của hiến pháp Trung hoa) tuy có phân lập mặc dầu vẫn không có một địa vị quan trọng và rất cục cỉ là chỉ nhánh của hai quyền lập pháp và hành chính.

Vậy vấn đề ta cần bàn, là có nên biệt lập quyền hành chính và quyền lập pháp không? Và nếu phải biệt-lập thì nên định giới hạn một cách hoàn toàn phân biệt hay trái lại, phải duy trì những mối liên lạc giữa hai quyền này?

Giả lời câu ấy, ta có thể tưởng tượng ba thứ hiến pháp: *chế độ hợp quyền*: trong đó quyền chính trị đều thu vào một cơ quan: hoặc là một cá nhân, hoặc là một hội nghị; *chế độ phân quyền*: trong đó quyền lập pháp và hành chính phân biệt hẳn; và *chế độ cộng quyền* trong đó hai quyền này tuy phân lập nhưng liên lạc mật thiết và cộng tác cùng nhau.

Loại thứ nhất, chế độ hợp quyền, do một cá nhân có toàn quyền chính trị, tức là chế độ quân chủ chuyên chế ngày xưa. Vì chế độ đó đã khắc mới có những cuộc cách mệnh, do đó người ta đã tìm cách bảo vệ tự do của nhân dân, và

Xem tiếp trang 25)

NGHỀ LÀM GIẤY BẢN ĐE IN

TẢO HOÀI

Cách đây mười bảy, mười tám năm, lần đầu tiên người ta thấy xuất-hiện vài quyển sách in trên giấy bản. tập chuyện ngắn *Người quay tơ* của ông Nguyễn Tường Tam xuất bản năm 1927, vở kịch *Uyên ương* của ông Vi huyên Đắc xuất bản năm Đinh-mão,... Có nhẽ các nhà văn đó muốn đem lại cho tác-phẩm của mình chút phong vị xưa kia của đất nước chăng? Chắc chưa ai nghĩ đến một nền tiểu công-nghệ chuyên chế tạo một loại giấy bản để in sách báo, giấy bản thường chứ không phải hàng giấy bản thượng-phẩm với cái mỹ-danh *Impérial d'Annam* mà ít lâu sau người ta hay dùng trong việc ấn loát những loại sách đặc biệt rất đắt để dành riêng cho những người chơi sách không quần đồng tiền.

Phải đợi đến cuộc chiến-tranh hiệu-thời xảy ra, người ta mới quay về với giấy của ta và hình như nhóm Tự-lực văn-quân đã có sáng kiến, ghe in trước tiên sách của mình trên giấy bản, lần này in cả hai mặt trên thứ giấy dày hơn chứ không như mấy quyển trên kia chỉ in một mặt trên thứ giấy mỏng (giấy lênh) gấp đôi như những sách của tàu hay sách cũ của ta. Từ đó bắt đầu xây dựng và mở mang một nền tiểu công-nghệ làm giấy bản để in sách báo.

Giấy bản để in này khác giấy bản cũ của ta như thế nào? Về phẩm chất nó là thứ giấy ở giữa giấy bản cũ và giấy mới. Sở dĩ khác nhau như thế là do nguyên-liệu: tốt xấu là vì chất vỏ dó dùng nhiều hay ít chọn lẫn với các thứ vỏ khác như bo, cành, dương, mộc v. v. để làm bột giấy, hoặc người ta dùng lẫn vỏ dó bản trong tốt hơn lẫn vỏ ngoài. Thứ giấy *Impérial d'Annam* hay lựa

dó chẳng hạn làm bằng toàn bột dó đó lẫn vỏ nõn bên trong bóc ra, đến như giấy mới thì làm toàn bằng lẫn vỏ dó sù sù ở bên ngoài. Giấy bản để in bây giờ dùng từ 10 đến 30 phần trăm vỏ dó chộn với các thứ khác, ngoài mấy thứ vỏ trên kia mỗi ngày người ta lại tìm ra rất nhiều loại: giấy tây vụn (lẽ), bông, tre, nửa mới đây người ta lại dùng cả dây nữa.

Vì nguyên-liệu khác nhau như vậy nên giấy bản để in đến hơn, dục hơn giấy bản cũ. Nó cũng dày hơn mới in được hai mặt. Về khuôn-khổ nó phải rộng hơn in mới có lợi, nghĩa là in được nhiều bát chữ một lần. Hiện giờ có những khuôn-khổ thông dụng này 38×46, 42×12, 44×56, 45×60, 50×65 phân tây. Người ta không thể làm to hơn được nữa vì những lá *liềm* (1) để làm lòng khuôn giấy chỉ to đến thế, mà nhất là dùng sức tay người để seo (2) thì khuôn to quá không làm được.

Hiện tình của các nhà làm giấy bản để in ra sao? Trước kia lúc hàng ngoại-quốc còn có thể vào đây được thì việc làm giấy bản để in chỉ là hãn hữu, một nhà in nào muốn dùng chỉ việc tìm đến đặt cho một nhà Tây giấy bản cũ làm theo kiểu mình muốn. Nghề làm giấy bản lúc bấy giờ còn tập-trung ở mấy làng Yên-Thái, Đông-Xá, Hồ-Khẩu, tục gọi là « đất ba làng » bây giờ thuộc khu Đại-lý Hoàn-long. Nhưng về sau thấy nghề có lợi, nhất là về việc mua bán nguyên-liệu mà tôi sẽ nói sau đây, cho nên nhiều làng cũng đua theo làm rất nhiều như Yên Hòa, Nghĩa Đô, Xuân Tảo, v. v.

(1) và (2) xem bài « Một xưởng làm giấy dùng sức nước ở mạn ngược » trong Thanh Nghị số 81 ngày 30 tháng 11 năm 1940.

Vào khoảng năm 1941-1942 trước sự nhập-cảng bất-rầu khó-khăn, hãng làm giấy Đáp-cầu (P. L. C.) dùng một người An-Nam làm đại-diện có ý gây một nhóm những nhà làm giấy bản để in ở trong phạm-vi quyền-lực của mình. Họ phát-bài-chỉ (licence) cho những ai muốn làm giấy bản với họ và cấp vốn hoặc nguyên-liệu cho, người ta. Vì vậy có nhiều người dù không làm bao-giờ cũng đổ xô vào nghề. Nhưng không bao-lâu, vì Chính-phủ thấy cần phải đứng lên chỉ-huy lấy nhiều ngành hoạt động kinh-tế, nên Hợp-tác-xã các nhà tiểu công nghệ làm giấy thành lập, năm 1943. Bao nhiêu nhà làm giấy giấy bản cũ cũng như giấy bản để in, đều phải hợp thành hội và ghi tên ở Hợp-tác-xã để được hưởng phần chia nguyên-liệu, nhất là dó, do Hợp-tác-xã giữ toàn quyền việc phân-phát. Nghề làm giấy bản cũ, ngoài vấn đề nguyên-liệu, vẫn được tự-dò về việc mua bán, giá cả. Trái lại nghề làm giấy bản để in có chế pháp nghiêm-ngặt hơn. Những nhà nào nhận làm giấy đó được Hợp-tác-xã cấp cho nguyên-liệu về làm, giấy làm xong phải đem nộp và được trả công. Việc bán giấy đó cho các nhà in và xuất-bản do Chính-phủ định đoạt.

Lúc đầu có tới ba trăm nhà nhận làm giấy bản để in theo điều kiện của Hợp-tác-xã.
 Hiện giờ còn từ một đến hai trăm người nhận nguyên-liệu của Hợp-tác-xã thế mà những người chuyên làm đứng đắn không chắc có được 50 người.

Trong số những nhà làm giấy bản để in đang dần phải kể trước tiên là ông Nguyễn-quý-Kỳ một thanh-niên trí-thức đã từng theo ban đại-học bỏ về làm công-nghệ. Hiện ông cũng giữ chức Chánh-hội-trưởng-hội các nhà làm giấy bản do Hợp-tác-xã lập nên.

Tôi đã có nhiều dịp tới thăm xưởng của ông dựng tại làng Đông-xá từ năm 1942, có lẽ là xưởng làm giấy to nhất và có quy củ nhất của ta bây giờ. Ông đã phải tiêu tới bốn vạn bạc,

không kể tiền đất để mở mang xưởng với bảy tàu seo, hai máy chạy điện để làm tơ (*défilrer*) các thứ xơ cây dùng làm bột giấy. Nhờ hai chiếc máy đó mà xưởng ông có thể dùng các chất nguyên-liệu rất khó làm, như đay, và người khác không ai làm được. Hiện nay ông lại đang cho làm một máy lọc nước ở hồ ao lấy lên, như thế ông đỡ được mỗi ngày tới hai chục bạc gánh nước giếng về làm.

Xưởng của ông được nhiều người biết tiếng là vì ngoài giấy bản để in ông còn nhờ sáng kiến nghĩ làm ra được rất nhiều thứ giấy quý, những chuyên phẩm (*spécialités*) của ông, và ông làm cả các loại như giấy thăm, giấy viết thư, giấy ván, giấy *pelure*, giấy dùng vào *duplicateur*, ván ván.

Tuy nhiên, hiện thời cũng như nhiều người khác, ông bị thiếu thốn về nguyên-liệu, và theo lời ông ông chỉ làm được một phần ba số hàng người ta đặt làm.

Tôi có hỏi ông về tương-lai, nghề làm giấy bản, giấy bản cũ cũng như giấy bản để in, thì ông tỏ vẻ vô cùng bi-quan. Theo ý ông, hết chiến tranh nghề làm giấy bản rồi cũng như nhiều ngành tiểu-công-nghệ khác đến bị tiêu-diệt, nhất là về giấy bản để in vì nhiều lẽ. Trước hết giấy của ta làm bằng tay bao giờ cũng đắt hơn giấy ngoại quốc làm bằng máy, thế mà nó lại xấu hơn, hợp hơn. Việc ăn loát bị chậm vì phải mất công scan giấy, vì giấy không được phẳng, dễ nhàu, mà nhất là vì những mùn ở giấy bám vào chữ làm thợ phải mất thì giờ chải chữ luôn như thế chữ chóng mòn.

Muốn cứu vãn tình-thế kia có lẽ người ta phải nghĩ đến việc cải cách phương pháp làm giấy và tìm cách làm thế nào vượt qua trình-độ một tiểu-công-nghệ lên tới trình-độ một kỹ-nghệ nhỏ, đồng thời phải có một chính sách bảo-vệ đề ủng-hội trong bước đầu tiên.

Riêng về ông Nguyễn quý Kỳ, tôi tỏ vẻ ngạc-nhiên vì ngay trong lúc ông phàn nàn vì tương-lai sảm tối của nghề làm giấy bản, ông vẫn lo
 (Xem tiếp trang 20)

BIA LĂNG CHA CẢ

TRƯƠNG CHÁNH

Sư Đại-Tây-duơng quốc nhơn, (Bi-Như) (Phi-Như) thị, hiệu Bá-Đa-Lộc.

Thầy, phụng đạo-giáo nhi Trung-quốc thánh-hiền thơ tịch mị bất giảng quán.

Đời tráng niên lai ngã quốc; thời quốc nội đa cố, sư vì quốc chi tân, thổ sở học vụ sở hành, tương dữ châu-triền (tuyền) vu điền bãi (phát) lưu lý chi tế; kỳ hữu ụng trọng thác xuất viện, sư lai vãng gian-quán bất di dư lực.

Nhị-thập dư niên chi gian tán hoạch (hoa) nhưng trừ (thù), tham tài trấn vụ.

Chư kỳ hưng kiến hiên thiết giai túc dĩ truyền chi hậu. Ngã quốc xâm xâm hồ hữu trung hưng chi thổ, sư chi lực vĩ đa yên.

Kỳ-vị tòng chinh Qui-nhơn phủ thăng, cửu ngoạt thập-nhứt nhựt dĩ chánh chung vu Thi-nại hội môn lân thứ, thọ ngũ thập hữu thất. Kỳ niên đông mạnh sắc tặng Thái-tử Thái-phơ Quận-công, bốc tặng vu Gia-định phủ thành chi bắc, sư cố sở trúc tỉnh xá dã.

Thị vị chi.

Thời, tũ thử canh-thần, trọng thư ngoạt, cốc đán thụ.

Độc-học Huê-xuyên hầu, thần, Nguyễn-gia Kiết phụng soạn.

Binh bộ tả tham-tri Định-Thành hầu, thần, Lê tri-Chỉ phụng thơ.

Dịch;

Thầy là người nước Đại-Tây-Dương, họ Bi-như, hiệu Bá-Đa-Lộc (Vê-rô).

Thuở nhỏ, theo đạo Thiên-Chúa, nhưng sách vở thánh-hiền ở Trung-quốc không có cuốn nào là không biết.

Tới tuổi tráng-niên, đến nước ta; lúc bấy giờ trong nước có nhiều việc biến, thầy là khách của nước ta, dùng sự học của ngài vào việc làm, giúp chúng ta trong lúc lưu-ly nghiêng-ngửa; lại chịu điều ầy thác-trọng đại là đi cầu binh tiếp viện, thầy trải qua nhiều quãng đường và quan ải, không hề tiếc dư lực.

Trong khoảng hơn hai chục năm, ngài giúp chúng ta trừ tình việc binh, cùng dự vào việc cai trị thị trấn.

Hết thấy các sự xây dựng hưng thịnh và các sự thiết lập hiên hách đó đều đáng tư truyền hậu thế. Nước ta được thế trung hưng, thì sức của thầy vẫn nhiều vậy.

Năm Kỷ-vị (1799), thầy tòng-chinh ở phủ Qui-nhơn, đúng ngày mười một tháng chín, thầy mất trong quân ở bờ hồ Thi-nại, thọ được năm mươi bảy tuổi. Tháng mười năm đó, được sắc tặng Thái-tử Thái-phó Quận-công, định chôn ở phủ Gia-định, phía bắc của thành, nơi xưa thầy đã cất nhà nghỉ mát.

Đây là bi-chữ.

Dựng một ngày lành của tháng trọng-thu (tám), năm Canh-thần (Septembre 1800).

Tôi, Nguyễn-gia-Kiến, Độc-học Huê-xuyên hầu phụng soạn.

Tôi, Lê-tri-Chỉ, Binh-bộ tả tham-tri Định-Thành hầu phụng pháp.

TRƯƠNG - CHÁNH dụ b

Triết thuật sách bao

TRONG DƯC

Nghệ-thuật ở Trung-Hoa

(Theo Paul Sicault trong Revue Nationale Chinoise, số tháng Janvier 1944).

Ở Trung-quốc nghệ thuật hay những nghệ thuật được chỉ, theo nghĩa rộng và khái quát, bằng chữ 藝 (Nghệ) và theo một nghĩa hẹp là nghệ nghiệp bằng chữ 業 (Nghệp).

Trong chữ Nghệ có chữ gốc 草 (Thảo), cho nên nó có nghĩa là những cử-dộng của bàn tay đang vẽ, sao lại hay làm việc, tức là sự cần-lao; nó cũng gồm cả những ý-nghĩa về điều-hòa, khoái-cam, đa-số.

Cho nên chữ Nghệ chỉ sự rèn luyện những nghệ-thuật của đời sống, nhưng nghệ-lĩnh vực là công-việc của đời sống và nó mang lại cho đời sống những nguồn lạc-lạc vô-tận. Những nghệ-thuật hoàn toàn ăn nhập với đời sống, lan rộng tới nghệ-nghệp. Dưới đời Thương Chu người ta noi đạo-nghệp cũng như Nghệ-nghệp.

Trong các nghệ thuật có những loại cao quý, đẹp-dẽ, cần-thiết mà những người cao-thượng và những người trí-thức không thể không học tập được. Người ta thường nói đến sáu nghệ: lễ, nhạc xạ, ngự, thư, số.

Lễ, có nghĩa rộng, chỉ tất cả những phép tắc về lễ-nghi mà nguyên-tắc căn bản là sự đơn giản chứ không phải là rườm rà và tráng-lệ.

Nghệ-thuật này chủ sự điều-hòa, cân đối những kỷ-luật, cái ý-niệm và những giá trị của phẩm cách, cùng sự thanh-tạo và những vách lịch-sự, sự lễ phép, nhã-dộ trong những chỗ-dỗ xã hội và chính-trị. Hơn cả sự giao-giữ cử chỉ biết kính trọng những cách-biệt không được vượt qua

cái mà người Pháp chỉ bằng tiếng « Monsieur » theo nghĩa cũ, và người Anglo-Saxons gọi bằng tiếng « gentleman ». Trong tinh-thần của nước Tàu cổ, Lễ tức là về huy hoàng của mỗi hoàn-hỉ vì sự sống, vẻ cao-quý của niềm đau khổ trước sự chết, với tôn-nghiêm trong sự thờ cúng tổ-tiên và những sức mạnh thiên-nhiên, mỗi vinh-quang của uy-thế bạo-quân-nhân; đó là gương-mối của Giới, nguyên-lực của Đất, đạo sử-thế của Dân-gian. Người ta thường cho rằng nhà Chu sơ dĩ tàn là vì đã bỏ mất Lễ.

Sau Lễ là Nhạc. Qua khắp các thời-đại ở bên Tàu, Nhạc bao giờ cũng đi liền với Thơ, là âm-hưởng của Thơ. Lúc ban đầu nhạc là phát biểu của sự vui vẻ. Người ta không thể nào không vui được thể mà nhạc tức là thể-hiện hữu-hình của mỗi hoàn-lạc. Vì vậy nhạc và lạc cũng do 1 chữ viết 樂 duy đó tiếng đọc trở nên khác nhau. Những âm-nhạc đầu tiên (Yao và Soung) dùng để dẫn lối, làm chỗ thông-hoạt những sự vui vẻ và những tư-tưởng của dân-gian và chính vì vậy mà nghệ-thuật đó trở nên âm-tỷ và đa-m. Nhạc cũng tượng-trưng sự điều-hòa của Giới và Đất, đó là một nguyên-dộng-lực của sự an-hòa nó thấm nhuần đời sống xứ này từ hàng bào nhiều thế-kỷ rồi. Lễ và Nhạc tiêu-biểu cho mỗi trật-tự và vẻ điều-hòa của Vũ-trụ.

Dưới Lễ và Nhạc đến những nghệ-thuật về võ-lực: Xạ và Ngự, giống những nghệ-thuật Hy-lạp về sự rèn luyện thân-thể. Trong tác-phẩm « Nghệ-thuật yêu », Ovide viết rằng người ta đưa dẫn xe ngựa và thống-trị tình yêu bằng nghệ-thuật. Automédon, kẻ đánh xe của Achille, được ghi danh trong lịch-sử. Ở Trung-hoa về đời (Xem tiếp trang 21)

NGHE CHAN NUOI TRAU BO O' XU' NHA

NGHIEM XUAN YEM

(Tiếp theo)

Trừ mấy nét xấu ấy ra, trâu, bò của mình, trái lại, có nhiều đức tính đáng quý, rất hợp với trình độ nghề chăn nuôi xứ nhà trong buổi sơ khai, rất hợp với tình tình dân quê ta vốn ưa sự giản-tiện, dễ dàng, ngại những điều phiền-phức, tốn kém, trong lúc mới bắt tay vào kinh doanh, bất cứ một nghề gì.

1-) *Trâu, bò ta rất khỏe.* Khỏe đây nghĩa là chịu được mưa rầy, nắng rãi; chịu được sương, gió, đói, khát, rét. Cũng như chủ chúng nó, là người dân Việt-nam, đàn gia-súc của ta chịu kham khổ, nhọc nhằn đã quen. Giữa mùa hạ, dưới tia lửa mặt trời nhiều đốt, chúng bị hực kéo cây sứt từ rặng đồng, tới 10, 11 giờ; lại từ 3, 4 giờ chiều cho đến nhá nhem tối. Buổi trưa chúng được nhấm nháp vài ngọn cỏ cần cỗi trên bãi tha ma. Nhiều khi nắng rất quá, chúng có thể đứng phơi mình để gặm cỏ được đâu? Đánh nhện ăn, nhầy xuống hồ, ao đầm bùn cho đỡ nóng, hoặc vào nằm dưới bụi tre đầu làng, trọng bóng mát. Mãi đến tối mịt, mới được một gánh chừng độ 25 hay 30 cân cỏ. Suốt mùa đông, khô khan rét mướt, nhiều con trâu, da bị mốc và nứt nẻ, rồi hóa ra ghẻ kênh cằn. Chúng trở nên gầy nhom; cả ngày nhai đi nhai lại vài mớ rơm phơi đã khô kiệt, cốt lấy đầy ruột. Nhưng chúng vẫn làm lụng như thường; nào cấy ruộng chiêm, nào bừa ruộng màu, không chút nghỉ ngơi. Sang xuân, cỏ non chớm mọc, khi ấm đều hòa chúng lại béo tốt mượt lông ngay.

Trái lại, các giống bò Âu-châu, đem vào nuôi trong xứ mình, không thể kham nổi những nỗi

cơ cực ấy. Trong một đàn gia-súc nuôi lẫn bò ta với bò tây, người ta nhận dễ dàng thấy rằng khi bắt đầu rét, những bò tây bị gầy còm trước bò ta; sang tiết xuân năm sau, những con ấy cũng lại chậm béo hơn. Nhiều con, nhất là những con nguyên giống (pur sang) hoặc lai 3/4 (3/4 de sang étranger) thường suốt năm chỉ lảng nhàng, chớ không bao giờ mỡ lông, tròn mông được. Vả thường thường, hễ gặp khi độc trời, chính cũng những con ấy sẽ lủ khừ trước tiên. Tôi đã được dịp nghiệm thấy rằng một con bò lai ăn suốt ngày ngoài bãi, đến tối thêm một gánh cỏ và một đấu cám mà vẫn không béo đẹp bằng một con bò ta chỉ được thả ăn cỏ trên đồi ban ngày thôi. Tất cả những ông Thanh-tra Thụ y đã từng làm việc lâu năm ở xứ nhà đều phải công nhận rằng chỉ có giống trâu bò của xứ Đông-dương là chịu đựng nổi khí hậu, thổ ngòi ở Đông-dương. Điều đó dĩ nhiên lắm, vì ở xứ nào chẳng vậy, Tạo vật bao giờ cũng đã chọn lựa, theo luật đào-thải tự nhiên, các giống vật để cho chúng được sinh sôi nảy nở ở xứ ấy.

2-) *Trâu, bò của ta dễ ăn, dễ nuôi.* Cỏ già, cỏ cứng, cỏ nước, cỏ hôi, rơm khô, rạ nứt, chúng đều ăn được cả. Giống trâu chịu ăn nhất. Bò ta hơi khảnh ăn hơn. Nhưng so với các giống bò ngoại-quốc đem vào, bò ta còn dễ tính gấp mấy lần. Trên những quả đồi cỏ không từ lâu, toàn một thứ cỏ loại-paspalum đã già, tôi cho thả một đàn gia-súc, gồm cả trâu, bò ta và bò lai. Những trâu và bò ta đều ăn nhẩn nhụi cả cỏ và hoa. Những con bò lai chỉ chạy xbung nhăng khắp đó đây, bứt lấy các ngọn lá còn non. Cỏ ấy cắt đem về chuồng phải rắc muối thì chúng mới chịu ăn.

Trau, bò mình dễ ăn, dễ uống như vậy, tức là một điều tiện lợi lớn cho các nhà chăn nuôi trong buổi ban đầu, khi dân gia súc chưa có lợi tức. Thứ nhất ở trong tình hình sinh hoạt của dân mình hiện thời thừa đâu muối để dành cho bò? Phân đủ để bón lúa còn chưa đủ lấy đâu ra để bón cỏ cho xanh, ngon?... Chỉ còn cách chăn nuôi dùng các đôi cỏ, bãi cỏ tự nhiên như tôi đã nói trong mấy kỳ trước. Những con bò rất đẹp, nhưng nuôi rất tốn kém chỉ là những con bò để đem trưng bày trong các kỳ thi đấu xảo. Nhưng trước khi muốn có những bò đấu xảo, ta hãy nghĩ đến những con bò nuôi để dành không tốn tiền, không khổ khăn, mà có thể dùng làm bò cày, bò thịt cho dân ta đã. Giống như khi các bạn muốn lập một đồn điền thì trước hết nên nghĩ tới một chuồng trâu chắc chắn với một lò phân làm cần thận, còn cái cồng ngay-nga và cái vườn hoa đẹp mắt, nên để lại về sau.

Trau, bò ta ăn uống dễ dàng và chóng béo, còn một điều lợi nữa. Những con trâu cái, bò cái đã già, thừa đẻ rồi, hoặc đẻ con không tốt nữa khi chúng được độ 9, 10 tuổi thì nên thải đi. Lúc đó ta chỉ tổ cho ăn trong một thời kỳ rất ngắn, chúng đã béo đẹp để bán làm trâu, bò thịt, vẫn được nhiều tiền và tự trang không tốn kém. Nếu còn ở xứ nhà, những cái muốn chúng đẻ con nữa thì rất có thể dùng lối nuôi trâu, bò cày vào buổi cuối năm, để vỗ cho mau béo, biến thành trâu bò cày, hay thịt, vào mùa xuân năm sau. Thường thường những người chăn nuôi theo lối ấy chỉ phải thả súc vật ở những bãi cỏ tấp, còn ít nhiều cỏ để qua mùa đông rồi sang xuân, trong vòng 2, 3 tháng, súc vật tự nhiên sẽ hồi sức ngay. Mọi lợi ấy chính nhờ ở sự phàm ăn và mau béo tốt của các giống súc vật xứ mình.

3) Vì khỏe, vì ăn uống xốc xệch dễ dãi nên so với các giống bò ngoại quốc súc vật của ta ít bệnh hơn nhiều. Trong cơ thể thường vẫn có các giống ký-sinh-trùng (trypanosomes...) mà chúng không hại gì. Phải

gai, gãy xương... cũng mau khỏi. Ở những nơi đất rần, về ngày mùa, trâu phải cày bừa nhiều hay phải vỡ yải, sừng mọc. Những nông dân ta thường chỉ cho chúng nghỉ việc vài, ba hôm, bôi cho lý dầu để ruồi muỗi khỏi cắn, hoặc đắp cho nằm lá nhọ nôi, chúng bèn khỏi, lại đi cày, bừa được. Các bệnh dịch, bệnh lao... tuy cũng có bị nhưng đem so với số súc vật ở bên ngoài đem vào, người ta nhận thấy giống trâu, bò của mình ít mắc phải và khó mắc phải hơn.

4) Đức tính cuối cùng là trau, bò ta mắn đẻ. Trâu, bò cái độ 2, 3 tuổi đã đẻ; và cứ sòn sòn năm một hay ba năm đôi, để mãi cho tới 10, 11 tuổi mới kém đi đôi chút. Khi chữa đẻ rất dễ dàng. Ở trung-châu, hầu hết những con chữa gần đến tháng đẻ cũng vẫn phải đi làm, mà những tai nạn cũng ít xảy ra. Ở mạn ngược các nhà giàu thường tậu trâu, bò cho những nhà nghèo nuôi; họ định với nhau rằng cứ đẻ được ba nghé hay 3 bê, chủ lấy 2, người nuôi lấy một. Vậy ta đủ hiểu rằng gia súc có mắn đẻ và đẻ đều đàn thì mới có chính sách cho chăn nuôi dễ như thế. Đến như ở dưới xuôi, súc vật phải làm nhiều, ăn ít, năng năm bị đói tới 3, 4 tháng (từ tháng mười đến tháng giêng...) mà nhiều con vẫn mắn đẻ. Trong một đàn bò bình thường, sẽ sinh được 85%. Nếu chăm sóc rất cẩn thận và thức ăn đều, đủ, có thể được 90%. Từ số tử vì đói dư, bệnh tật, tai nạn bất thường... cũng còn được 70%. Như vậy một đàn bò có 100 con cái (bò được giống se phải có 2, hoặc ba con thực tế), thì sau một năm đầu tiếp có thể được 70 bê trong một tuổi; qua năm thứ hai thứ ba, số bê lên tới 70 con trong ba tuổi, 70 con trong lại tuổi và 70 con trong một tuổi. Nếu ta thí dụ số bê cái cũng bằng số bê được thì tới năm thứ tư ta đã được 35 con bò cái non sắp lấy được đẻ, với 35 hộ được non có thể đem bán làm bò cày hay bò cày. Rồi ra cứ bằng năm số bò cái trẻ sẽ tăng dần mãi lên, cho tới năm thứ 7 thứ 8. Khi ấy những con bò mẹ đầu tiên đã tới 9, 10 tuổi, ta mới bắt đầu phải thải dần những con già thừa đẻ đi.

(Xem tiếp trang 18)

LỜI VŨ

BI KỊCH CỦA TÀO NGU

ĐẶNG THÁI MAI dịch

MAN THÚ HAI

(Tiếp theo)

Quý. — Bầm bà.

Phồn-Y. — (gọi vào trong nhà) Phượng ơi, cứ đưa cả hai cái kia ra luôn thế; rồi ông dùng cái nào thì dùng (tiếng vắng ở nhà trong) Chao! (thở dài, nói cùng Thị Bình) Bà là để con Phượng phải không? Rõ rệt: chớ lâu quá nhỉ.

Quý. — Bầm lâu gì! Nó phải chờ chứ. Được vào đây bầu thăm bà là bán hạnh cho nhà con lắm rồi. (Phượng từ phòng ăn đi ra, tay cầm mấy bộ áo đi mưa của chủ)

Phồn-Y. — Bà già ngồi xuống đây. Bà lười đây khá lâu, phải không? (Thị Bình cứ đứng ngáp, ngừng không ngồi)

Thị Bình. — Thưa bà cũng chưa lâu lắm.

Phượng. — Thưa bà, bây giờ con đưa cả ba cái áo này sang bên kia cho ông?

Quý. — Không! cụ đã bảo cứ để đây rồi cụ sẽ qua. Và cụ còn còn truyền con vào thăm bà chớ cụ còn một chốc, cụ còn cần nói việc gì ấy.

Phồn-Y. — Được rồi: (bảo Phượng) Bây giờ Phượng xuống bếp xem chừng nó làm cơm thế nào, bảo lại dưới bếp một tí.

Phượng. — Vâng (nhìn Lỗ Quý rồi lại nhìn Phồn-Y, có vẻ áy náy. Phượng đi ra lối cửa giữa).

Phồn-Y. — Bây giờ bác lên thăm với ông nhé: tôi đương còn bận nói chuyện với để con Phượng vậy chốc nữa hàng mới ông vào.

Quý. — Bầm bà, vâng a. (Quý vẫn đứng đấy)

Phồn-Y. — (Thấy Quý chưa đi) Bác còn muốn nói chuyện gì nữa không?

Quý. — Bầm bà, hồi sáng cụ ông con bảo rằng: lát nữa quan thầy thuốc người Đức là quan đốc tờ Kook sẽ đến.

Phồn-Y. — Phải rồi, thằng Xung cũng đã nói lại với tôi.

Quý. — Cụ còn dặn lúc nào quan đốc tờ đến phải vào mời bà thăm bệnh ngay.

Phồn-Y. — Được rồi! Bác cứ việc ra ngoài kia.

(Quý đi ra lối cửa giữa)

Phồn-Y. — (nói với Thị Bình) Nào, bây giờ bà già ngồi xuống đây với tôi, ta nói chuyện. Đừng e lệ làm gì (ngồi xuống cái sofa).

Thị Bình. — (ngồi xuống nơi cái ghế, đặt bên chiếc sofa) Thưa bà, cháu vừa xuống tàu, thấy bác bà có dặn thế nào cũng phải lên thăm bà.

Phồn-Y. — Chả là thường nghe con Phượng nói chuyện rằng già xưa cũng con nhà gia thế, và lại thông hiểu sách vở nữa.

Thị Bình. — (cố ý nói qua chuyện khác) Cháu vẫn sợ con Phượng nó còn dại dột không biết phép tắc gì. Hai năm nay nó lên làm trên này, nó không được vừa ý bà.

Phồn-Y. — Không đâu, con bé thông minh, lanh lợi, tôi đang lòng lắm. Cho nên tôi nghĩ rằng, phải liệu thế nào cho nó dễ mà sau có thể thành thân con người thì hơn. Cứ để nó đi thăm bà, làm tôi dỗi thế này không nên.

Thị Bình. — Thưa bà, bà khen nó quá lời. Riêng về phần cháu, cháu vẫn không ưng cho nó bỏ nhà đi làm việc ngoài, đâu a.

Phồn-Y. — Tôi hiểu lắm. Hôm nay tôi mới gặp già lần đầu, nhưng tôi vẫn biết bà già người con nhà thì lễ, chỗ ta cũng tại hai bên đều thực thà thì hơn. Cho nên tôi muốn nói ngay cho già biết vì sao tôi muốn gặp mặt.

Thị Bình.— Thưa bà, có lẽ con cháu ở đây, cử chỉ của nó hằng ngày có thể làm cho người ta chê cười gì chăng ?

Phồn-y.— (cười, ra vẻ đồng ý) Không không phải thế đâu ! (Quý ở cửa giữa đi vào)

Quý.— Bầm bà...

Phồn-y.— Gì kia ?

Quý.— Bầm anh tài đã đánh xe đi đón quan đốc tờ, ông ấy vừa đến, đang chờ ngoài phòng khách.

Phồn-y.— Bảo tôi còn có khách.

Quý.— Khách ? . Nhưng cụ con cho con xuống mời bà lên ngay kia !

Phồn-y.— Được rồi, bác cứ lên trước trên ấy đi.

(*Quý đi ra*)

Phồn-y.— (nói cùng *Thị Bình*) Đề tôi nói ngay cho bà già rõ tình thế nhà tôi là thế nào đã : Số là đàn bà con gái trong nhà này không có ai.

Thị Bình — Thưa bà, vâng.

Phồn-y.— Kề ra trên nhà chỉ có một mình tôi là đàn bà, cùng cụ ông và hai cháu ; dưới nhà dưới thì chỉ có vài người u già, ngoài ra người làm toàn là đàn ông hết.

Thị-Bình — Thưa bà, cháu hiểu.

Phồn-y.— Con Phượng thì nó còn bé quá.... Nó vừa 19 tuổi phải không nhỉ ?

Thị-Bình.— Chưa đến đâu ạ, cháu mới 18.

Phồn-y.— Thế hở ? À tôi cũng nhớ rằng nó hơn thằng cháu nhớn của tôi đây một tuổi. Phượng nó còn ít tuổi mà đi làm như vậy xa nhà xa cửa, cũng chưa hẳn là tốt...

Thị Bình.— Thưa bà nếu như cháu Phượng án ở trên này có làm lỗi điều gì, thì cháu xin bà cho biết sự thật là hơn.

Phồn-y.— Không phải thế đâu ! (lại cười). Con bé ngoan, tôi nói là tôi nói qua tình hình trong nhà cho bà biết đấy thôi ! Thằng cháu

đầu lòng của tôi năm nay cũng đã 17, — vừa rồi bà đi qua vườn hoa hẳn cũng thấy qua nó, — thằng bé còn dại lắm kia ?

(*Quý đi từ phía phòng giầy ra*)

Quý.— B...àm... Bầm bà, cụ con cho vào mời bà ra thăm bệnh ngay.

Phồn-y.— Có ai ở ngoài ấy tiếp chuyện ông đốc tờ Kook một chốc không ?

Quý.— Bầm bầm, ông Ký Vương vừa đi đâu ấy, cụ con phải ra tiếp.

Thị-Bình. — Đề xin mời bà ra ngoài kia trước đã. Cháu ngồi đây chờ một chốc vậy, không vội gì.

Phồn-y.— Không, đề tôi nói nốt câu chuyện (bảo *Quý*) bác ra thưa cùng ông rằng : tôi chả có bệnh gì... tôi có bảo ai mời đốc tờ đâu !

Quý.— Bầm bà, vâng. (*Quý vẫn đứng đấy*)

Phồn-y.— (nhìn *Quý*) Bác còn đứng đấy làm gì nữa ?

Quý.— Bầm con chờ xem bà còn truyền gì nữa không ?

Phồn-y.— A ! Suýt nữa quên ! Bác ra bầm với ông xong đi gọi ngay cho tôi người thợ điện. Vừa rồi chúng nó bảo rằng chỗ bàn học ấy mà, có một đoạn dây điện muốn đứt. Phải gọi người ta chữa ngay đi, nhờ may nó dặt chết người thì khổ.

Quý.— Bầm bà, vâng.

(*Quý đi ra phía cửa giữa*).

Phồn-y.— (Thấy *Thị Bình* đứng dậy) Kia ! bà già ngồi lại tí nữa. Chao ! trong phòng vẫn oi quá đi mất (chạy tới mở cửa sổ, rồi giở lại ngồi). Câu chuyện là thế này này : chẳng đầu già làm gì : đã mấy hôm nay, tôi thấy thằng bé nó thế nào ấy ; thế rồi nó lại vừa cho tôi biết là nó yêu con cháu Phượng nhà bà nữa.

Thị-Bình.— Thưa bà thế nào kia ?

Phồn-y.— Nó còn định bớt tiền học phí của nó ra một nửa để cho con Phượng đi học kia đấy.

Thị-Bình. — Đây là anh Hai nói đùa đây a
Phồn y — Chẳng đùa đâu! nó nhất định dĩ
hỏi con Phượng cho được

Thị-Bình. — Thưa bà, ba không cần dạy
nữa, cháu cũng hiểu rồi.

Phồn y. — Con Phượng thì nó lớn lớn thành
cháu Xung một tuổi; nó lại thông minh lanh lợi,
thế rồi chẳng biết là...

Thị-Bình. — Thưa bà, con tôi tôi vẫn tin
ràng: nó biết phải trái, và hiểu luân thường
đạo lý. Nào tôi có ưng cho nó đi tìm việc ở đâu
đâu! Chẳng qua tôi vẫn chắc rằng: hai năm
nay cháu vào hầu ông bà trong này, thì nó cũng
chẳng làm việc gì hồ đồ...

Phồn y. — Già này, tôi vẫn biết lắm chứ:
con Phượng là một đứa bé tử tế, chính đánh hết
sức. Nhưng chẳng may việc đã xảy ra như vậy,
tôi nghĩ lại, người ngoài tất có thể họ hiểu lầm.

Thị-Bình. — (lẻ dãi) Thật là một việc cháu
không hề bao giờ tưởng rằng có thể xảy ra được.
Bây giờ cháu đã lên đây, vậy cháu sẽ xin đưa
nó cùng về luôn. Vậy từ hôm nay, xin bà cho cháu
nghỉ việc nốt.

Phồn y. — Ủ. Già nghĩ như thế, tôi cũng cho
là phải, nhưng còn một nỗi, tôi vẫn sợ, sợ là
thằng cháu Xung nó lại dở người, rồi mai kia
nó lại đến đảng nhà gặp cho được con Phượng
mới nghe, cũng chưa biết chừng.

Thị-Bình. — Thưa bà, xin bà yên tâm
Cháu đã sao năn lắm rồi. Lẽ ra cháu không nên
cho nó đi theo cha nó kia! Sáng sớm ngày mai,
cháu sẽ về quê, hai để con cùng nhau đi xa hẳn
chỗ này, và sẽ không bao giờ giở lại đây làm
gì nữa. Vậy cháu xin phép bà cho con Phượng
về đảng nhà cùng cháu ngay bây giờ.

Phồn y. — Thế cũng được. Tôi sẽ gọi ngay
thầy ký kế toán lên đây, tính đủ tiền công cho
nó phân minh. Đồ đạc của nó, để đấy, rồi tôi
bảo người mang lại đảng nhà cho. Tôi cũng
còn một hòm áo quần cũ, để tôi sẽ sai người
đưa cho nó luôn, mai kia nó mang theo về
nhà mà dùng.

Thị-Bình. — (nói một mình) Tôi nghĩ ép con
tôi quá đi mất (nước mắt lại lóng, người sụp
trống chỗ cái sofa) Trời hỡi trời!

Phồn y. — (lại gần một bên thị-Bình) Bà
gia này, bà đừng buồn bực quá như vậy! Nếu
như về chuyện tiền nong có túng thiếu gì, thì
để một mình tôi liệu lý cho; thế nào cũng được
việc. Bây giờ bà cứ đem cháu về nhà tử tế. Có
mẹ kèm cặp lấy con, thế nào cũng tốt hơn.

Phác Viên. — (đi từ phía phòng giấy ra, vừa
đi vừa gọi) Minh! (Phồn y ngẩng đầu lên
Thị-Bình đứng dậy vội vã tránh vào một
bên, mặt xanh nhợt, nhìn chăm chăm vào
Phác Viên) Sao vẫn ngồi đấy không chịu ra?

Phồn y. — (về buồng bình) Ra đâu kia?

Phác Viên. — Thì là ông đốc tờ Kook mọi
hôm đã khám bệnh cho mình, chứ đốc tờ nào nữa!

Phồn y. — Thuộc tôi uống nhiều rồi, tôi
chẳng uống nữa đâu.

Phác Viên. — Thế còn bệnh mình đâu..

Phồn y. — Tôi chả đau gì hết!

Phác Viên. — (khó chịu) Ông đốc tờ Kook,
mình nghe không, là một người bạn chí thiết
của tôi, quen tôi từ lúc tôi còn du học bên nước
Đức kia ông ấy chuyên chữa bệnh dân bà?
mà mình bộ thần kinh không được tốt; Thế
nào cũng phải để ông ấy chữa mới khỏi.

Phồn y. — Ai bảo tôi đau bệnh thần kinh
kia; mà làm sao các ngài lại rửa tôi kia
chứ? Tôi không đau, tôi không đau gì hết, tôi
nói thực cho ông biết, tôi không đau!

Phác Viên. — (nói thông thả và gắt gao)
Mình đứng trước mặt người ta, động một tí là
kêu la om sòm; mình mang bệnh trong người,
mà cứ đây đây không nhận là mình đau, không
chịu uống thuốc, không cho thầy thuốc chữa;
như thế còn không phải là đau bệnh thần-kinh thì
là gì mới được chứ?

Phồn y. — Hèm! Dầu tôi có bệnh ấy thì thầy
thuốc chữa cũng chẳng được nào! (đi vào phía
buồng ăn)

Phác Viên (ho tiếng) Đứng lại đấy! Nhìn định d' đầu.

Phồn y — Bì lên gác.

Phác Viên — Đứng lại đấy, nghe tôi bao.

Phồn y — Gì kia? (đứng lại) Ông nhìn lấy ông cười-gắt, ra vẻ khinh bỉ) Thấy mà chết cười, đi được! ông quên ông là người thế nào rồi hẳn (lại cười sáng sặc rồi chạy vào phòng ăn, khóa kín cửa lại).

Phác Viên — (gọi to) Chúng mày có đứa nào ngóc đầu vào đây!

(Một người dầy tóc chạy lên)

Người dầy tóc — Bẩm cụ truy

Phác Viên — Bà mày vừa mới lên gác; mày ra gọi ngay anh Cả và anh Hai, mời ông đốc lên trên ấy thăm bệnh cho bà.

Người dầy tóc — Vâng.

Phác Viên — Bảo hai anh ấy rằng: hiện giờ bà đau khá nặng; chúng nó phải cẩn thận một tí; và bao cả với con cụ già trên gác phải trông nom! bà cho từ từ nghe không?

Người dầy tóc — Bẩm cụ, vâng.

(Người dầy tóc đi ra. *Phác Viên* châm một điếu thuốc àng-lê hút và nhìn cái áo đi mưa trên bàn)

Phác Viên — (hỏi *Thị Bình*) Đây là áo bà dựa xuống đấy à?

Phác Viên — (cầm áo xem) Không phải mấy cái này à. Đây là áo mới cả đây kìa mà. Thì lên bằm ngay với bà; ta cần cái áo cũ kìa!

Thị Bình — Vâng.

Phác Viên — (Thấy *Thị Bình* vẫn đứng đấy) Cái phòng này ta đi bảo: bao nhiêu đây (ở dưới kia, không được đạp chân lên đấy, u có biết không?

Thị Bình — (nhìn vào *Phác Viên*) Thưa tôi không được biết đây ạ.

Phác Viên — U là người mới vào, dám phải không?

Thị Bình — Không phải tôi đến làm-con tôi ma.

Phác Viên — Con gái là ai?

Thị Bình — Con Phương.

Phác Viên — Thế thì già đi làm phòng rồi đấy!

Thị Bình — Vâng. Cụ còn dặn gì nữa không?

Phác Viên — (chỉ vào cửa sổ) Ai mở toang cửa ra thế kia?

Thị Bình — À, (đi thông thả lại đóng cửa sổ, rồi nhẹ nhàng bước ra).

Phác Viên — (nhìn theo *Thị Bình*, bỗng có vẻ lấy làm lạ lùng) Bà già, đứng lại đấy tí đã! (*Thị Bình* dừng lại) Bà... Tên họ bà là gì?

Thị Bình — Cháu họ Lỗ.

Phác Viên — Họ Lỗ?... tôi nghe tiếng già, nói không giống tiếng người trên miền Bắc này.

Thị Bình — Phải đấy ạ; tôi người mãi dưới Giang-Tô kia.

Phác Viên — Giọng ời cô, về giống giọng miền Vô-tích ấy nhỉ?

Thị Bình — Hồi bé, cháu đã ở Vô-tích khá lâu.

Phác Viên — (nghĩ ngợi) Vô-tích... À, Huyện Vô-tích... vậy chứ bà ở huyện Vô-tích về hồi nào?

Thị Bình — Năm ấy là năm Quang Tự nhị thập niên... (1) cách bây giờ cỡ 30 năm rồi.

Phác Viên — Thế hả? Cách đây 30 năm là già còn ở Vô-tích.

Thị Bình — Vâng, hồi ấy, tôi còn nhỏ, chúng tôi chưa có điện đùng kia.

Phác Viên — (nghĩ ngợi) Phất rồi. Cách đây 30 năm... khá lâu ấy nhỉ... để tôi nhớ lại xem nào... hồi bấy giờ tôi còn mới 20 tuổi. Ủ, hồi ấy tôi cũng ở Vô-tích.

Thị Bình — Cụ người ở miền nào nhỉ?

Phác Viên — (lưu ý... ở... Vô-tích khá vui kia!

Thị Bình — Vâng. Vứt lười.

(Xem tiếp trang 19)

(1) Tức là 1905. — (Dịch giả)

ĐAM ĐUỐI

TRUYỆN NGẮN CỦA ANH THO

Khi không còn thể gượng được nữa Văn mới buông bút nằm lả ra giường. Một cảm giác bất hoải rã rời khiến Văn thấy cả tư chi như đã lìa khỏi thân thể. Ngực bên trái đau nhói lên như bị xiên dùi. Văn mang máng nhớ nó đã chớm đau từ lúc ban trưa; nhưng vì mãi viết Văn không để ý. Cuốn tiểu thuyết, bắt đầu đến phần thứ tư rồi. Nàng sung sướng, tưởng tượng đến những chương sắp viết. Nhưng Văn không nghĩ được gì. Có chiếc đàn nhỏ mà tưởng như mang nặng cả một ngọn Thái sơn. Văn nhắm mắt cố nằm im như một vật vô tri, vô giác.

Bên ngoài, trăng vừa lên khỏi ở ngọn cây phượng vĩ đầu nhà, chùm lá lẩn lẩn ánh sáng. Cả dãy tường hoa với trăng, đã ngả sang sắc vàng. Những tàu lá chuối lùa óng ả màu nõn gà như muốn bay reo lên cùng ánh trăng. Bên kia vườn hàng xóm, mấy chùm tre nghiêng dáng lá lướt lên nền trời lấp lánh kim cương. Văn mở mắt bàng hoàng như được nhìn ra một cảnh mộng. Nhưng đêm trăng đầu có đẹp bằng những cảm sẽ tả trong tiểu thuyết của nàng. Văn lại muốn ngồi dậy viết.

Đã mấy tháng nay rồi, người thiếu nữ đó đắm đuối trong sức phát triển rối rào của sự sáng tác đã bao lâu hăm dưng. Ngày lại ngày, cúi mình trên chiếc bàn giấy nhỏ Văn có cả một thế giới diễm ảo huy hoàng. Nàng đã quên hết ngoại vật và không những để tâm hồn mê mải, cả thân thể cũng mê mải theo. Đôi lúc, nàng ngày thơ giận mình sao lại cứ phải ăn với ngủ? Tuy rằng trong lúc ăn ngủ, nàng cũng không quên được cuộc đắm say kia.

Và Văn hối nhất sự điều độ. Đừng có ai đến khuyên nàng câu dỗi, nếu không nàng sẽ không ngần ngại gì mà không giảng cho họ biết rằng điều độ là những khi làm công việc. Thường khi điều độ là làm thơ hoặc viết văn là đi khơi những nguồn thác mạnh mẽ, vô phúc cho kẻ nào dùng tay, sẽ được cái kết quả chết chìm. Văn không muốn chết chìm dễ dàng. Mà càng ngày càng muốn khơi rộng cho thêm sức phát triển mãnh liệt của lòng mình. Và Văn sung sướng được luôn luôn vùng vẫy say sưa trong đó.

Nhưng tối nay thì Văn thất vọng rồi. Tay nàng không mang nổi quán bút nữa. Mắt nhìn như muốn đồ hào quang. Nhất là khuôn ngực, không nán mong manh. Chưa bao giờ Văn bị nó làm đau đến thế. Hết ở đằng trước, lại xiên ra, sau lưng. Muốn ho cũng không ho được. Văn thấy tức bực vô cùng: Vây ra nàng phải ngừng cuộc giao cảm mê ly của tâm hồn mình với giấy mực à? Biết bao nhiêu đêm ánh huy hoàng đang nhảy múa hỗn độn trong óc Văn. Nàng muốn kêu to lên một tiếng óa oán. Nhưng Văn bỗng thấy mình thiếp đi. Và trong khi chịu lịm dưới sức rã rời một mỗi của thân thể. Tâm hồn nàng vẫn mơ hồ muốn cưỡng lại để được vùng lên trong sự hi tặc nguồn phát triển đang vẫn rối rào.

Một tiếng chim dài trong trẻo theo với luồng gió thơm bay đến bên mặt. Văn mở mắt nhìn ra cái màu xanh lơ của những tàu chuối bóng hồng vì ánh sáng. Gió đưa qua, đưa lại, trước cửa sổ phòng. Buổi mai chập chững đêm, tươi thắm lắm? Tại sao Văn không được chạy ra để thấy tận nơi những bông hoa nở, cánh bướm bay? Ôi, sức khoẻ rối rào của nàng đâu mất cả rồi? Văn nhắm

mắt nhớ lại : trong khu vườn lấp lánh nắng tươi người thiếu nữ mình mặc may ô, đề hờ những cánh tay rắn chắc, bắp thịt hồng hào. Nàng nhảy vun vút trong những vòng giầy. Chạy thoăn thoắt khắp các ngã vườn. Chán, lại lao mình xuống ao vùng vẫy trong làn nước sáng. Rồi cười với hoa, hát với chim. Trong khi lồng ngực đã căng phồng những sinh khí thơm tho. Kế đến, một thiếu nữ ẻo lả nằm trong cánh màn — Màn the xanh cũng không xanh bằng da mặt — Cặp mắt u ám như buổi chiều mưa, nhìn thêm muốn những sinh vật hoạt động quanh mình. Trời ! Cái cảnh đáng buồn đó bởi đâu mà ra nhỉ ? Há chẳng phải vì sự quá đắm đuối ngày không biết tối tối không biết sáng với văn chương đó sao ? Từ nay thì nàng phải làm việc có chừng. Và phải cố năm tỉnh dưỡng ít ra là hàng tuần để lấy lại những sức khoẻ đã mất.

Nhưng đến trưa, nghe trong mình đã hơi dễ chịu. Vẫn lại thấy sự dự tính đề hăm lại sức đắm say kia thật vô lý. Và phải là một người lấy văn chương, làm trò giải trí trong chốc lát thì mới thể được. Chứ nàng, nàng đã yêu tận tụy. Hướng chi những tác phẩm muốn đề sống tới muôn đời phải cần có sự hy sinh. Vẫn chưa biết những cảm giác của sự chữa, đề đau đớn và hoan lạc đến bậc nào. Nhưng chắc nó cũng tương tự như sự sáng tác của nàng.

Không ! Vẫn phải dạy viết, và sẽ viết mai... Sức phát triển chẳng đương làm bão gió trong tâm óc nàng đó sao ? Không có cảnh nào đẹp bằng một cảnh tận tụy. Vả, Vẫn càng không cưỡng được sự cảm dỗ huy hoàng. Ngồi hút vừa hát đầu đã chạy thoăn thoắt trên trang giấy. Người thiếu nữ hai mắt sáng lên đắm đuối. Nàng đã quên hết bệnh não của mình.

ANH THƯ

Thư trí trong tiết quý tha

Nghề chăn nuôi trâu bò ở xứ nhà

(Tiếp theo trang 12)

Xem vậy, trâu, bò xứ ta đem so với trâu bò các nước ngoài thì kém to lớn, kém đẹp mắt, kém sữa, kém sức mạnh, nhưng dai sức hơn, ít ốm đau hơn, chăn nuôi đỡ tốn hơn, và mẫn dễ hơn, những đức tính ấy chính là những điều kiện tối quan-hệ cho một đàn gia súc mau có lợi, cho người có óc chăn nuôi tránh bớt được những sự bất bênh trong bước kinh doanh buổi ban đầu. Những con bò đẹp dễ nhưng ăn tốn, nuôi khó, dễ chết, thừa đẻ, bắt buộc người ta phải bỏ vốn nhiều, một cách nguy hiểm và lâu có lãi. Ở xứ mình, những ai có óc kinh-doanh mới mẻ như vậy thì thường không mấy ai được dài vốn; còn những nhà đại-tư-sản thì thường lại thích làm ăn theo những lối an nhàn hơn. Vậy vốn đã không được nhiều tất nhiên ai cũng thích đàn bò còn có lợi và dễ chăn nuôi.

NGHIÊM XUÂN YÊM

MỤC VIÊN

PACIFIQUE

XANH - TIM

KHÔNG PHAI MÀU — KHÔNG CẶN

CÓ BÁN TẠI CÁC HÀNG SÁCH. Bán buôn

theo giá Hội Đồng Hóa Giá ấn định

DO VAN THIEU

68 — Maréchal Foch

Vinh, Boite post. n° 11

F I D U E

LOI VU

(Tiếp theo trang 16)

Phác Viên. — Thế là, 30 năm trước, bà cũng Vô-tích ?

Thị Bình. — Vâng.

Phác Viên. — Cách đây 30 năm, ở vùng Vô-tích có một câu chuyện khá ồn ào.

Thị Bình. — (ngáp ngừng) À... à...

Phác Viên. — Bà có biết không ?

Thị Bình. — Có lẽ có kia đấy, Nhưng không hiểu cụ định nói chuyện gì.

Phác Viên. — Câu chuyện đã khá lâu rồi. Nhắc lại hồi này, có lẽ không mấy ai nhớ.

Thị Bình. — Có lẽ mấy ra tôi còn nhớ cũng nên.

Phác Viên. — Tôi đã hỏi dò nhiều người hồi bấy giờ cũng đã ở Vô-tích, tôi muốn hỏi thăm cho ra mối manh ; nhưng những người hồi ấy đã trú ở Vô-tích ngày nay có kẻ đã già, kẻ thì chết rồi, những người còn sống phần nhiều không hề biết đến ; hoặc giả họ đã quên hẳn đi.

Thị Bình. — Nếu như cụ nhất định muốn thăm nom việc gì, thì ở vùng Vô-tích nhà cháu cũng còn nhiều người quen biết ; có lẽ nhờ họ hỏi giúp, may còn có thể được chăng ?

Phác Viên. — Tôi đã cho người đến tận miền Vô-tích hỏi thăm khá nhiều người, Ừ ! có lẽ may ra già đây còn biết mối manh gì chăng ?... Số là, cách đây 30 năm, ở vùng Vô-tích, có nhà họ Mai.

Thị Bình. — Họ Mai, vâng, có.

Phác Viên. — Nhà ấy có một cô tiểu thư, tuổi còn trẻ và hiền lành thông minh lại nết na lắm kia. Thế mà có một đêm cô ta bỗng nhảy xuống sông tự tử. Rồi về sau, về sau, ... bà có nghe thế nào không ?

Thị Bình. — Cháu không dám nói đến chuyện ấy.

Phác Viên. — Thế nào ?

Thị Bình. — Tôi thì tôi có quen, một cô gái tuổi trẻ nhà họ Mai thiệt.

Phác Viên. — Thế nào kia ? nói tôi nghe.

Thị Bình. — Nhưng cô ta không phải là tiểu thư, mà cũng chẳng thông minh, hiền lành gì cho lắm... lại nghe nói cô ta cũng chẳng nề nếp, nết na gì.

Phác Viên. — Cũng có lẽ, có lẽ già nghe lầm cũng nên. Nhưng già cứ nói xem

Thị Bình. — Và cô ta, độ ấy một hôm giới tối, đã nhảy xuống sông tự tử thiệt. Nhưng không phải cô ấy tự tử một mình cô ta đâu : tay cô ta lúc ấy còn bế theo một đứa con gái mới sinh được ba ngày. Nghe đâu người ta bảo người ấy chẳng chính chuyện gì.

Phác Viên. — (đau đớn) A !

Thị Bình. — Cô ta là một con ở, mà lại không biết giữ phận mình, nghe đâu trước kia có nhập nhoen với người con thứ hai ông chủ nhà họ Chu, rồi sinh được hai đứa con. Ba hôm sau, khi ở cữ lần thứ hai, thì cậu kia bỏ cô ta. Đứa con cả thì nhà họ Chu nuôi, còn đứa con thứ hai vừa sinh được ba hôm kia, thì chính tối hôm 30 tết, cô ta âm theo nhảy xuống sông tự tử.

Phác Viên. — (mồ hôi đầm đìa), A ! A !...

Thị Bình. — Cô ta không phải là một cô tiểu thư, mà chỉ là con một u già, làm việc trồng nhà họ Chu ở miền Vô-tích ; tên nó là Thị Bình.

Phác Viên. — (nhắc đầu lên) Thế giả họ gì rồi kia nhỉ ?

Thị Bình. — Cháu họ Lỗ đấy ạ.

Phác Viên. — (thở dài, nghĩ-ngợi) Thị Bình, thị Bình, đúng rồi. Mà cái tác người đàn bà ấy ấy mà, nghe nói có một người ăn mày nào, hồi ấy đã vớt được và mai táng tử tế. Giả có thể hỏi thăm xem ngôi mộ ấy bây giờ ở đâu không nhỉ ?

Thị Bình. — Cụ hỏi thăm những chuyện nhằm nhĩ ấy làm gì kia ?

Phác Viên. — Người ấy cùng chúng tôi đây còn có họ.

Thị-bình.— Bà con thế nào?

Phác-viên.— Có bà con... tôi muốn tu lý ngôi mộ mà thôi.

Thị-bình.— A... thế thì lại chả cần.

Phác-viên.— Thế nào kia?

Thị-bình.— Con người ấy hiện giờ vẫn sống..

Phác-viên.— (...t minh) Thế nào kia?

Thị-bình.— Con người ấy vẫn chưa chết.

Phác-viên.— Còn sống thật à? Không có nhẽ tôi đã xem kỹ bộ áo cổ ta cởi lại trên bờ sông trong bọc có một bức thư tuyệt mệnh.

Thị-bình.— Có thế. Nhưng sau lúc nhảy xuống sông, cô ta lại có người cứu cho khỏi chết.

Phác-viên.— Thiệt à? Cứu được thiệt à?

Thị-bình.— Cứu được. Nhưng về sau người Vô tích không gặp lại con bé nữa, nên ai cũng bảo rằng con bé ấy chết rồi.

Phác-viên.— Vậy ư? Vậy người đàn bà ấy..

Thị-bình.— Bây giờ đi làm ăn ở phương xa

Phác-viên.— Còn thằng bé con?

Thị-bình.— Thằng bé cũng vẫn còn sống.

Phác-viên.— (đứng vụt lên) Bà là ai?

Thị-bình.— Cháu là để con Phượng đây.

Phác-viên.— A!

Thị-bình.— Người đàn bà ấy bây giờ già rồi, người chồng cũng đi làm thuê làm mướn vậy đời chồng sau này sinh ra một đứa con gái, vợ chồng làm ăn khá vất vả.

Phác Viền.— Bà có biết bây giờ người ta ở đâu không?

Thị Bình.— Tỉnh thoảng cháu vẫn gặp đấy

Phác Viền.— Thế nào? Người ấy còn ở vùng này, hạt này à?

Thị Bình.— Vâng ở ngay đất này

Phác Viền.— A!

Thị Bình.— Thưa cụ cụ có ưng gặp người ấy không?

Phác Viền.— Không! không! Tôi cảm ơn!

Thị Bình.— Cũng là số kiếp khổ sở của người ta. Lúc người ấy bỏ nhà họ Chu ra đi, thì anh chàng nhà họ Chu cưới ngay một bà vợ con nhà gia thế, giàu có. Còn cô kia một mình tứ

lẻ vô thân, âm mưu con mọn, đi khắp chỗ này chỗ kia, làm đủ mọi việc: nấu cơm, khâu vá, đi ở làm u già, hầu hạ học trò con gái...

Phác Viền.— Thế mà vẫn không bao giờ đáp gót trở lại nhà họ Chu.

Thị Bình.— Chắc cô ta cũng chả muốn nào! Nhưng vì đứa con mọn ấy, mà sau này người ấy còn phải lấy hai đời chồng nữa.

Phác Viền.— Thế hả? Về sau còn lấy hai đời chồng?

Thị Bình.— Vâng, hai đời chồng sau, đều là người làm thuê, làm mướn. Bây giờ cụ cụ có muốn giúp gì cho người ấy không?

Phác Viền.— Đề... đề tôi nghĩ lại một tí. Bà cứ ra.

Thị Bình.— Vâng, thế cụ không cần hỏi gì nữa? (nhìn Phác Viền nước mắt lưng tròng) A! cái áo đi mưa hũu này cụ dặn thế nào?

(còn nữa)

ĐẶNG THÁI MAI dịch

NGHỀ LÀM GIẤY BẰN ĐỀ IN

(Tiếp theo trang 8)

khuyết-trương sưng của ông, không ngại tổn phí mà nhất là, theo lời ông, hiện thời ông không hy vọng gì trừ lấy lại (amortir) vốn của ông.

— « Tôi, ông nói, tôi định chuyên làm nhúng giấy hạng thượng phẩm mà tôi hy-vọng sau cuộc chiến-tranh còn có thể bán ra ngoài được cho nên tôi mới chịu mất tiền thế này đấy chứ! ».

Nhưng tôi còn nghĩ tới một số không phải ít dân quê khờ dại ở chung quanh vùng mấy làng trên đây mà chính tôi đã trông thấy, vì thấy mối lợi trước mắt, nhất là vì theo gương sấu của một bọn đầu-cơ hăm hở bỏ cả công việc đồng áng và xuất tất cả vốn liếng ra để lăn vào một nghề mà họ chưa từng làm bao giờ, và họ không biết rõ tương lai của nó ra sao!

(3) Giá giấy bán thường đề in của Hợp tác xã bán, giấy khổ 42/52 là tờ thông dụng: tháng Février — Mars 1944 là 340\$00 một vạn tờ, đến tháng Avril — Mai lên 522\$00 một vạn

TẢO HOÀI

Trich thuật sách bao

(Tiếp theo trang 16)

thượng-cổ, người ta đã biết các bậc vua chúa cần thận đến bậc nào về sự trang-hoàng, tô-diêm và cách đưa dắt những cỗ xe và ngựa mà màu sắc khác nhau tùy từng họ, từng nhà. Người ta rèn luyện những ngựa được chăn nuôi và chọn lọc cần thận để cho kéo xe hai, bốn hay sáu ngựa.

Về nghệ-thuật bản cũng cũng vậy. Cả hai đều là những nguồn gợi cảm mạnh mẽ, phò bầy sự khéo léo, tính cương nghị, lòng tự-chủ và rất khó luyện, cần đến sự tập-tành lâu dài và công-phu. Sách *Nghi-lễ* (Yi-Li) kể lại từng chi-tiết những lễ trọng-thể thiết-lập trong các cuộc thí về nghệ-thuật bản cung dưới những đời Thương và Chu; những người trúng giải được thưởng những bộ cung và tên rất đẹp. Trong những *Sử-ký* biên-niên cũng còn chép lại rất nhiều đặt-sự về những tay xạ-thủ và ngựa-sĩ có tài của đời xưa và tên tuổi của họ ghi trong lịch-sử là những khuôn mẫu của lòng chính-trực và nghị-lực.

Rồi, đến *Thư*, có lẽ là nghệ-thuật đầu tiên và cổ nhất. Là vi sự hình-dung những vật và ý của

Sau đây là bảng những điều dị-biệt giữa khái-niệm về Nghệ-thuật của Đông phương và của Tây-phương.

TÂY PHƯƠNG

— Khái-niệm bất định từ sau khi nước Hy-lạp cổ suy tàn.

— Ý-nghĩa về đời sống bất định.

— Những nghệ-thuật hình như chỉ giới hạn ở những nghề điêu-họa (*arts plastiques*): Nghề nghiệp, khoa học, cơ khí, thi-ca, âm-nhạc, võ-nghệ bị loại ra ngoài lịch-sử nghệ-thuật.

— Nghệ-thuật coi như thuộc về thiên-tái, cách-biệt kỹ thuật.

— Khoa học và nghệ-thuật bất đồng.

— Nghệ-thuật không liên quan với luân-

— Thiên tài sáng tạo.

loài người có từ đời tân-thạc; đến đời Thương thì những hình vẽ ấy có hàng ngàn đã biến chế thành kiểu chữ dần dần đi tới những chữ viết ngày nay. Chính nhờ nghệ-thuật viết chữ này mà trong lịch-sử Trung-quốc ít chỗ khiếm khuyết hơn lịch-sử những dân-tộc khác. Người ta tìm thấy sử-liệu ở những chữ vẽ và khắc trên xương, trên đồ đá hay đồ đồng. Trong tác phẩm *Sự thành lập Trung-quốc*, ông Creel có viết rằng tuy người ta chưa tìm thấy một quyển sách nào về đời Thương người ta cũng có thể chắc chắn rằng thư-nghệ thời đó rất được trọng dụng, và có rất nhiều bộ sách bằng lụa hay trúc xưa viết bằng bút lông mà ngay về thời đồ đá mới hình như đã dùng. Thư-nghệ, chắc chắn có từ lúc người ta biết tô-diêm những đồ bằng, đồng.

Sau hết là *Số-học*; nghệ-thuật này luận về những đặc tính của hình tròn, hình vuông, hình tam-giác thẳng góc, và, theo sách *Chu-Bế-toán kinh* (*Tchéou Pi Souan king*) (thế kỷ thứ 12 tr. Th. Ch.) nghệ-thuật này luận về tất cả những điều mà vua Đại Vũ dùng để theo đuổi những công-tác lớn lao. Kinh Dịch có nói *Số-học* là nghệ-thuật tài-năng

ĐÔNG PHƯƠNG

— Khái niệm xác-định từ 50 thế-kỷ nay

— Nghệ-thuật ăn nhập với đời sống. Đời sống là nghệ thuật.

— Lễ nghi, âm nhạc, võ-nghệ, thư-nghệ, khoa-học là những nghệ-thuật cao cả.

— Nghệ-tuật và kỹ-thuật hòa-hợp.

— Khoa học là nghệ thuật cao cả.

— Nghệ-thuật tự nó buộc theo điều-kiện của luân-lý và chỉ-phối sự sinh-hoạt.

Thiên tài lựa-truyền.

Nền dân chủ

(theo Yves Cochet trong tuần báo Indochine số 21 Septembre 1944)...

Trong những nước dân-chủ việc theo chính-thể này hay khác không phải là việc chủ-yếu Vấn đề sinh-tử không ở đó và không nên tin rằng người ta đã giải-quyết xong xuôi trong một quốc-gia khi người ta đã quyết-định rằng chủ-quyền ở trong tay các công-dân, hay chính-thể sẽ là cộng-hòa chẳng hạn.

Chính-sách dân-chủ nào cũng không thể tồn-tại được nếu không có hai yếu-tố cần-thiết này phù hợp : tư-cách và đức-hạnh. Một là nó chỉ có thể lý-giải được ở những xã-hội loài người nào đã nhờ một nền văn-minh lâu dài mà trở nên tinh-tế ở khắp mọi khu-vực. Điều thứ hai là nó chỉ có thể tồn tại được ở trong một hoàn-cảnh hoàn-lý khá cao...

Chính-phủ cộng-hòa Athènes mạnh mẽ xưa, từ thế kỷ thứ V-trước Thiên-Cửu đã tụt được chỗ hoàn-thiện của chính-sách dân-chủ. Nhưng rồi nó lại rơi xuống địa-vị một nước chư-hậu vì trong toàn-thể những công-dân nước ấy không có tài mà cũng không có đức...

Vậy cho nên vấn đề cốt yếu của những nước dân-chủ không phải ở chỗ giao-quyền-lệnh tới cao cho một ông vua hơn cho một ông đồng-thống hay ngược lại. Nó chính là ở việc rút ở toàn-thể công-dân ra những tài-năng và những đức-hạnh để mà giao-phó cho một-chức-vụ trong sự quản-lý những công-việc quốc-gia. Nói tóm lại là thực-thể-hóa(matérialiser) những phần tử thượng lưu, tình-nhuệ vào trong các chế-độ.

Từ năm 1789 nước Pháp dân-chủ đã huộc mình vào cái công-việc khó khăn đó

*

... Lại phải học lại cách sinh hoạt, cách hành động công cộng, là mở rộng cái tâm-thần của mình mà thâu-lấy những cái khí hùng-vĩ của đoàn-thể nó phối-hiệp với những cái di-truyền của tổ-nhân cũng là những tiếng gọi của tương-lai

MARCEL PÉTAINE

Bản « Tuyên ngôn nhân-quyền và dân-quyền » năm 1789 có nói : « Nguyên-tắc của toàn-thể chủ-quyền nhất-thiết là ở quốc-gia ; không một đoàn-thể nào, không một cá-nhân nào có thể sử-dụng quyền-hành mà không do quốc-gia ban cho mình bạch. » Và, trong khi phân-biệt rõ ràng hai ý-niệm « nguyên-tắc chủ-quyền » và « sử-dụng quyền-hành », bản tuyên ngôn đó đồng-thời đã mở đầu cuộc xung-đột giữa ý-niệm thượng-lưu và ý-niệm quần-chúng.

Chính trong óc họ những nhà-luận-thuyết của cuộc cách-mệnh pháp ở thế-kỷ thứ XVIII có cái khái-niệm về thượng-lưu. Họ đã biết rằng, một nền dân-chủ mà buông-thả cho quần-chúng thì phải chết. Vì vậy, như ta đã thấy, họ đặt chủ-quyền vào tay « quốc-gia ». Quốc-gia tức là toàn-thể người Pháp trong vẻ-tạp-bác-phong-phú của họ, với những tài-năng khác-nhau, với mọi chức-vụ xã-hội, nói-tóm-lại, với vẻ-thật của họ trong cái không-cạnh-dời-thực-tế... Và bản Hiến-pháp 1791 cố-nhiên tìm sự đại-diện cho quốc-gia trong một chính-sách đầu-phiếu-hữu-hạn. Như thế là hợp-lý nhưng cũng vụng về và bất-công. Nhưng làm thế nào khác được vì người ta mới ở bước đầu, và việc-dùng-hòa-những-lý-thuyết cá-nhân của Rousseau với những mối cần-thiết về đời-sống thực-tại của những nước dân-chủ thật không phải sự dễ-dàng.

Tự đó mà nảy-ra cái khái-niệm « dân-chúng » phản-đối khái-niệm « quốc-gia » : cuộc công-kích đầu-tiên của quần-chúng chống-lại thượng-lưu xảy-ra. Ngay từ năm 1793, một bản « Tuyên ngôn dân-quyền » mới xướng-lên rằng « chủ-quyền ở trong dân-chúng ; nó không thể phân-chia, tiêu-hủy và cầm-bán được ». Trái-với quốc-gia, dân-chúng chỉ là sự-kế-tiếp người-nọ với người-kia ở đủ mọi hoàn-cảnh xã-hội : gia-đình, nghề-nghiệp, thị-xã, v. v... và không kể-đến những đặc-biệt-riêng của ai. Đó là « kết-quả của một bài-tính-cộng, cộng-những cá-nhân với cá-nhân... » Đó là một đám vô-danh-đầy ở mỗi kẻ-đòi-hỏi phần-riêng của họ yêu-cầu phân-chia-quyền

hành của họ, theo thuyết của Rousseau...» Thế là người ta bước từ chủ quyền quốc-gia sang chủ quyền dân chúng và vì đó người ta tới chính sách gọi là « phổ thông đầu phiếu » nó, sự thực, không hẳn là sự đầu phiếu cho tất cả mà là sự « đầu phiếu nhất-luật và trực tiếp » Kết quả của cuộc tiến hóa kia là: cuộc khủng bố do các Ủy-ban gây nên, trình trạng hỗn loạn dưới chính phủ Directoire, sự độc đoán của vị Đệ-nhất-Tổng tài (Premier Consul), chính sách chuyên chế của hoàng đế Napoléon, trận Waterloo....

Đến vua Louis XVIII cho thử một « chế độ quân chủ ôn hòa ». Nhưng vì ngài bằng lòng chia chủ quyền với quốc gia, chứ không với dân chúng cho nên cuộc thử thách bị thất bại do lỗi họ « cực đoan ». Dân chúng nổi dậy bữa tháng Juillet 1930, nhưng sự toàn thắng của dân chúng bị giai cấp tư sản hốt mất. Phái này nào có biết rõ chỗ yếu điểm của vấn-đề chính trị cho nên chỉ thiết-lập được một chính sách đại diện thiếu thốn. Cuộc cách mệnh 1848 xảy ra chỉ vì một mối thất vọng chung, nhưng sự thất bại của dân chúng nhanh hơn sự đắc thắng và người ta lại cho thử một chính sách đại diện quốc-gia với đạo luật tuyên cử ngày 31 Mai 1850. Xong chính sách này bấy còn chưa được viên mãn nhiều quá: trí thức, thợ thuyền, dân quê còn bị đẩy ra ngoài vòng chính trị. Và lợi dụng mối bất bình của họ hoàng đế-Napoléon III chinh phục chính quyền bằng cách phát cao ngọn cờ dân chúng. Một chính sách « dân chủ dựa quần chúng » được thiết lập. Nhưng rồi nền đế chính do toàn dân đầu phiếu sụp đổ một cách thảm hại ở trận Sedan năm 1870.

Nhà lập pháp 1875 đi tới chính sách thỏa hiệp rụt rè giữa ý niệm thượng-lưu và ý niệm dân chúng do sự thiết lập Thượng nghị viện. Nhưng ác thay! sự thỏa hiệp đó không lâu bền gì. Nhân dịp việc Dreyfus xảy ra, đám quần chúng bất đầu tỏ sức mạnh và lâu dần Thượng-nghị-viện bị áp-đảo đến phải từ bỏ nhiệm vụ của mình, vào khoảng tháng Octobre 1934. Từ đó đến lúc chế-độ 1875 sụp đổ chỉ còn năm năm.

*

Như ta đã nói, các nhà cách mệnh từ 150 năm nay, đã biết rằng một nước dân chủ phải dựa vào đám thượng-lưu. Mà 2400 năm về trước, nhà khai sáng nền dân chủ ở Athènes, Périclès, cũng đã dựa vào thượng-lưu: « Về những việc tư, mọi người được bình đẳng trước pháp luật; nhưng về sự tôn trọng thì chỉ có thể ban cho những kẻ hơn người về tài năng... » Thế nhưng trái với các nhà lập pháp của nước Pháp ở thế kỷ thứ XIX cho đến ngày nay chỉ tìm-thượng-lưu ở giai cấp hữu sản, Périclès xưa đã tuyên bố rằng thượng-lưu thì ở bộ phận xã-nào cũng có và sự cộng tác của tất cả các hạng thượng-lưu đó cần thiết cho đời sống của một nước dân chủ. Ông lại nói: « Chính là tài cán riêng, chứ không phải những sự phân biệt trong xã hội, mở đường tới công danh. Không một người công dân nào đủ tài lực phụng-sự tổ-quốc mà bị ngăn trở về việc đó vì nghèo hay vì ở địa-vị xã-hội thấp kém... » (Thucydide quyển II).

Báo chí ở Trung Hoa đến năm 1936
(theo *Revue nationale chinoise* số tháng Janvier 1944 trích đăng của cố Joseph Zi trong *Catholic Review*)

Từ 1000 năm nay ở Trung-Hoa đã có một tờ công-báo gọi là *Ti Pao*, sau đổi ra là *King Pao*, do triều-đình xuất bản để đăng những sắc lệnh của nhà vua và những đơn thỉnh nguyện của các quan, v.v... Tờ tạp-chí tàu thực-sự đầu tiên là tờ Nguyệt-san (*Chinese Monthly Magazine*) do một mục sư theo tân-giáo xuất bản ở Malacca năm 1805, như vậy là ở ngoài vòng kiểm-đuyệt của Hoàng-đế. Ít lâu sau những tờ báo khác viết bằng chữ Hán xuất-hiện, nhưng cũng in ở ngoài nước Tàu: tờ Nguyệt-báo (*The Monthly Magazine*) ở Batavia (1823-1826) và tờ Vũ-trụ (*Universal Gazette*) ở Malacca (1828-1929). Rồi đến lượt những báo-chí xuất hiện ngay ở đất Tàu như tờ Đông Tây nguyệt báo (*East-West Monthly*) ở Quảng-dông (1833-1837) tờ Trung-hoa ngoại báo (*Chinese*

Foreign Gazette) ở Ninh Ba (1854-1880) tờ *Thuợng-Hải Tạp-biên*, (*Shanghai Miscellany*) và tờ *Trung-hoa Loạn cầu báo* (*Chinese Globe Magazine*) (1883-1904).

Tờ nhật báo bằng tiếng đầu tiên là tờ *Tin tức Trung-Hoa và ngoại quốc* (*Chinese and Foreign News*) do Bác-sĩ *Ou-Ting-fang* (?) sáng lập năm 1858. Những tờ báo cũ nhất còn xuất bản đến ngày nay là tờ *Thông-tin trung-quốc* (*The Chinese Mail*) lập ở Hương cảng quảng năm 1864, 1855 tờ *Shun Pao*, (1872), và tờ *Sin Wen Pao* (Tân Văn báo) (1893) đều ở *Thuợng-hải*. Ngay từ năm 1822 ở Trung Hoa đã có nhiều báo viết bằng tiếng ngoại-quốc, 2 tờ ở Macao, 2 tờ ở Quảng đông, và 1 tờ ở Hương-Cảng.

Những báo viết bằng tiếng Pháp có tờ *Nouveliste de Changhai* (1870-1872), tờ *Echo de Chine* sáng lập năm 1896 và hiện nay thay bằng tờ *Journal de Shang hai*, và tờ *Revue Nationale chinoise* xuất-bản từ năm 1929. Tờ báo bằng tiếng Đức, *Der Ostasiatische Lloyd*, sáng lập năm 1896. Ngoài ra còn có báo nhật, báo nga, v.v.

Tờ tuần-báo ngoại-quốc đầu tiên và duy nhất trong 14 năm từ 1850 đến 1864 là tờ *Hoa bắc thông-diệp* (*North China Herald*). Năm 1864 xuất hiện tờ *North China Daily News* rất có thanh thế, theo sau, năm 1874, là tờ *Celestial Empire*, tờ *Morning Gazette and Advertiser*, tờ *Evening Gazette* v.v.,

Vào đầu thế-kỷ này, rất nhiều tuần-báo và nguyệt-san ra đời như tờ *Trung-hoa báo* tờ *Thiên hạ*, v.v.. Tờ *China Press* (1911) có Bác-sĩ Tôn dật Tiên là một trong những người sáng lập. Tờ *Thuợng hải thời báo* (*Shanghai Times*) bắt đầu năm 1904. Lúc đó nó đại diện cho quyền-lợi của Mỹ, nhưng đến năm 1911, sự giám đốc về tay người Anh.

Từ 1815 đến 1861 ở Trung-quốc có 8 tờ báo và 11 tờ tạp-chí do những cổ đạo tôn-giáo sáng lập. Năm 1886, số báo chí của bên đạo, gia-tô hay tôn giáo đến 75 mà 32 tờ ở *Thuợng-hải*.

Năm 1921 tất cả 1134 tờ báo xuất bản ở Trung-Hoa, trong số đó có 550 nhật-báo, 154 tuần báo, 50 tờ báo nguyệt san và 308 tờ nguyệt san. Năm 1925-1926 có 256 nhật-báo mà 126 tờ xuất bản ở Bắc-kinh và 23 tờ ở *Thuợng-hải*; trong số đó có 52 tờ bằng tiếng ngoại quốc mà 26 tờ tiếng Anh, 16 tờ tiếng Nhật, 6 tờ tiếng Nga, 3 tờ tiếng Pháp, một tờ tiếng Cao ly. Về tạp-chí có hơn 2000 tờ. Năm 1933, tất cả 3331 tờ báo ghi tên ở tòa Nội-Vụ, còn biết bao nhiêu tờ báo không ghi tên nữa.

Về sự phát hành thì năm 1936 tờ *Shun Pao* ở *Thuợng-Hải* hàng ngày in tới số 200 000 tờ) tờ *Sin Wen Pao* ra 150.000 tờ, và tờ *Trung-ương nhật báo* (*Central daily news*) ở Nam-kinh in 30.000 tờ. Tờ tạp-chí có tiếng là tờ *Đông-phương tạp-biên* (*Eastern Miscellany*, có từ 40 năm nay, in ra 70 000 tờ.

Những tạp-chí chuyên-trị như sau đây: 211 tờ về những vấn đề thông thường, 136 tờ về bình-luận tin tức, 86 tờ về những khoa-học xã-hội; 284 về việc học và giáo-dục, 19 tờ về những khoa-học tự-nhiên, 7 tờ về du-lịch; 11 tờ về những khoa-học chính-trị, 6 tờ về triết-lý tôn-giáo, 64 tờ về văn-chương, 50 tờ tạp-chí phụ nữ, 76 tờ tạp-chí của các học-viện, 133 tờ công báo và 10 tờ có tranh ảnh.

TRONG ĐỨC

HÃY ĐỌC

SỬ KÝ TỪ MÃ THIÊN

Bản dịch của NHƯỢNG TỐNG

(Một trong sáu bộ sách tài tử của Tần). Một bộ cổ-sử giá-trị nhất từ trước đến nay.

Sách dày trên 400 trang — Khổ rộng — In toàn trên giấy trắng quý (blanc art). — Bìa mỹ thuật.

Giá 16\$00

TÂN VIỆT 29 — rue Lamblot — Hanoi

Hiến - pháp

Trung - hoa

(tiếp theo trang 6)

người ta đã thi hành chế độ phân quyền. Nhưng gần đây, vì chế độ phân quyền và nhất là chế độ đại-nghị có nhiều nhược điểm nên chế độ hợp quyền cá nhân lại xuất hiện ở một vài nước : như Đức và Ý.

Loại thứ hai của chế độ hợp quyền là *chính phủ hội nghị* (gouvernement d'assemblée) : quyền chính tập hợp vào một cơ quan có nhiều người nghĩa là một hội-nghị. Chế độ này thường hay xuất hiện ở những thời kỳ cách mệnh của dân chúng : như ở Pháp về thời Đại Cách Mệnh năm 1792, thời cách mệnh năm 1848, hay cuộc cách mệnh năm 1870-71. Trong chế độ ấy, một hội nghị dân biểu (Legislative, Convention, Assemblée Nationale) không những cầm quyền lập pháp, mà còn cầm cả quyền hành chính bằng cách cử những ủy viên hành chính hoàn toàn phụ thuộc của hội-nghị, và không có một quyền riêng xuất xướng hay định đoạt về các công việc.

Trái hẳn với chế độ hợp quyền là *chế độ phân quyền*. Trong chế độ này, cơ quan hành chính hoàn toàn độc lập, có những quyền riêng, và không bị cơ quan lập pháp lấn áp. Không những thế, hai bên hành chính và lập pháp rất ít khi liên lạc với nhau. Đại biểu chế độ này là hiến pháp hiện hành của nước Mỹ. Trong đó có những đặc điểm sau này, nó biểu thị sự biệt lập triệt để của hai cơ quan hành chính và lập pháp : một là các vị bộ-trưởng không được có chân ở Viên lập-pháp. Họ chỉ là những thuộc viên của Tổng thống, do Tổng thống nhiệm miễn, và nhất nhất mọi sự đề nghị phải thừa hành mệnh lệnh của Tổng thống. Hai là các bộ trưởng không có quyền vào nghị trường đề biện bạch ý kiến của mình mà cả Tổng thống cũng vậy. Chỉ có quyền gửi cho nghị viện một tờ « Thông điệp ». Ba là các bộ trưởng không bao giờ có thể bị nghị-viện đánh đổ : là vị họ chỉ chịu trách nhiệm với Tổng thống, chứ không chịu trách nhiệm với Nghị viện như ở chế độ cộng quyền mà ta sẽ xét sau đây

Nói tóm lại địa vị các bộ trưởng không tùy thuộc nghị viện, nhờ đó mà quyền hành chính được mạnh. Tổng thống Mỹ cầm quyền hạn 4 năm mà nhiều khi lại tái cử vào bộ trưởng do tổng thống cử ra cũng cầm quyền được lâu bền vì Nghị-viện không có quyền đánh đổ nội các ; cho nên gặp được một vị tổng thống có tư cách, có bản lĩnh thì quyền hành chính có thể trở nên bền vững mà vì thế nên người ta thường gọi chế độ này là « chế độ tổng-thống » (gouvernement présidentiel) ngụ ý rằng quyền tổng thống rất mạnh.

Lịch sử chính trị của Mỹ quốc chứng nhận rằng chế độ phân quyền này không chỉ những nhược điểm của chế độ cộng quyền tức là chế độ đại-nghị : chính phủ tuy vẫn giữ tính thần dân chủ, vẫn bảo vệ tự do của nhân dân mà vẫn đủ quyền lực để thi hành một chính sách nhất định, và đối phó với tình thế trong những lúc nguy biến.

Giữa hai chế độ hợp quyền và phân quyền kể trên, có chế độ « cộng quyền » (collaboration de pouvoirs), tức là chế độ mà người ta thường vẫn gọi là « Đại nghị » (parlementarisme) là chính thể của Anh và Pháp. Trong chế độ này quyền hành chính và lập pháp tuy phân lập nhưng vẫn mật thiết liên lạc với nhau.

Cơ quan liên lạc mật thiết ấy tức nội các gồm các vị bộ trưởng và vị thủ tướng.

Nội các tức là bộ phận cốt yếu của quyền hành chính, nhưng nội các lại chịu trách nhiệm với nghị-viện : phần nhiều bộ trưởng là nghị viên, và nội các bao giờ cũng phải có tín nhiệm của nghị viện mới đứng được. Nói tóm lại, Nghị viện là cơ quan lập pháp có một uy quyền lấn cả cơ quan hành chính.

Theo hiến pháp thì cơ quan hành chính cũng có một cách đối phó với cơ quan lập-pháp : là quyền giữ tin nghị-viện. Nhưng thực ra, quyền

thống lĩnh là người có quyền ấy, lại không phải là phần tử quan yếu của cơ quan hành chính, chức ấy chỉ là một chức đại diện, thực quyền hành chính là trong tay vị thủ tướng. Vậy đã là phần tử không quan yếu, cố nhiên thống lĩnh ít khi có đủ chỉ quả quyết và lòng tin tưởng mà sử dụng một quyền tối ư quan trọng và nguy hiểm giải tán nghị-viện. Một lẽ thứ hai nữa: là muốn giải tán hạ viện, phải Thượng-viện bằng lòng, mới được. Lẽ cố nhiên từ khi ta thấy Thượng Viện đồng ý với quyền hành chính mà giải tán Hạ viện.

Cho nên theo lý tưởng thì chế độ đại-nghị là một chế độ « cộng quyền » hai quyền hành chính và lập pháp phải ngang hàng và cùng nhau hợp tác. Nhưng thực tại thì càng ngày chế độ ấy càng thiên về quyền của Nghị-viện, vì thế mà cơ quan hành chính càng ngày càng tỏ vẻ bất lực.

Muốn cứu vãn tình thế ấy, một nhà chính trị học trẻ tuổi rất có tương lai, trong quyển sách nhan đề là « *Cải cách chính thể đại nghị* » (*La réforme du Parlementarisme*) là ông René Capitant, hiện nay có chân trong chính phủ lâm thời, có đề nghị mấy phương-pháp mục-dịch cải-cách chính-thể đại-nghị làm sao cho quyền hành chính được mạnh hơn.

Phương-pháp thứ nhất là tăng quyền thủ tướng: để cho thủ tướng có quyền rất rộng về việc hành chính và cả quyền lập pháp nữa, bằng cách ban hành « luật lệnh » (*décret loi*).

Phương pháp thứ hai là giao quyền giải tán nghị-viện cho thủ tướng; thủ tướng có thể tự tiện sử dụng quyền đó không cần phải Thượng viện và Thống lĩnh can thiệp.

Với hai phương-pháp ấy, thì quyền hành chính trở nên rất mạnh. Nhưng mạnh mà không độc đoán là vị thủ tướng có thể bị nghị viện đánh đổ, là vì thế tướng vẫn phải có tin nhiệm của nghị viện, và muốn cho sự tin nhiệm đó được bền thì ngoại phương pháp giải tán kể trên, ông René Capitant còn đề nghị một phương pháp chuyên môn về bầu cử: là « chế độ độc danh dân phiếu » (*système uninominal*).

... (từ và sẽ có dịp bàn tới) thì một chính đảng chiếm đa số tương đương ở nhân dân rất có thể lực trong viện, vì những phần tử thiểu số trong dân gian không được đại diện ở Nghị viện.

Đứng về phương diện phân quyền, đại khái những chính thể ngày nay là thế.

Hiến pháp Trung Hoa đã thái thủ những đặc điểm gì của những chính thể kể trên đây?

Đó là vấn đề ta sẽ giải quyết kỳ sau.

PHAN ANH

VÀI VẤN-ĐỀ KINH-TẾ..

(Tiếp theo trang 4)

Giữa hai đường ấy, chọn một điểm « tối lợi » để vừa khuyến-kích sự sản-xuất vừa giữ yên cho xã-hội, đó là một công việc khó khăn của nhà cầm quyền.

Đề giải-quyết vấn đề tài-chính cần cho sự tu bổ, người ta cũng còn có thể dùng một phương pháp nữa là vay.

Nhưng chỉ ở những cường quốc có một nền kinh tế vốn đã phồn thịnh thì chính phủ mới có thể nghĩ đến việc vay tiền của tư-nhân ở trong nước. Tại các nước hậu tiến thì có vay cũng không được bao nhiêu. Vì vậy sau cuộc đại-chiến trước những thuộc địa và nhiều nước bán khai ở Trung-Á và Đông Âu đều đã phải nghĩ đến việc vay ở nước ngoài.

Nhề tất nhiên những nước cho vay sẽ nhận cơ hội đó để đánh lấy những đặc-quyền về kinh-tế; một cách họ hay dùng là bắt buộc nước đi vay phải dùng ngay tiền vay để mua những sản-phẩm của họ. Những đặc quyền và sự mua bán ấy có lợi cho nền kinh tế nước đi vay không?

Đề giả nhời câu hỏi ấy cần phải đề ý đến những nguyên-tắc hướng-dẫn sự tổ-chức kinh-tế của tương lai.

(kỳ sau sẽ tiếp)

V. V H.

Việc quốc tế

TỪ 27 SEPTEMBRE ĐẾN 4 OCTOBRE

Mặt trận Á Đông

Ở Trung Hoa, trong tỉnh Hồ-Nam quân Nhật hạ được Mạc-huyện, Bão-khánh; trong tỉnh Qian-tây hạ được Toàn-huyện và sau khi lấy Ngô-châu đã tiến xuống hạ Đan-chúc. Những đội quân khác ở Quảng-dông tiến lên phía Bắc cũng đã gần tới Đan-chúc. Như vậy là Nhật sẽ có thể đạt được chương trình chia địch quân ở Hoa Trung và Hoa Nam làm hai, một phần ở miền duyên hải và một phần ở phía trong nội-địa. — Đồng thời phi cơ Nhật vẫn di đánh phá các căn cứ địch quân ở khắp nơi, trái lại không quân Mỹ cũng hoạt-động ở nhiều nơi cả trên đất Man-chau và Đại Cao-ly.

Tren Thái bình dương, những đội tàn quân Nhật cơ mực đã kuang-chiến đến phút cuối cùng trên những đảo Guam và Tinian ở phía Nam đảo Saipan trong quần đảo Mariannes (27-9). — Tại các đảo Piliou, Angour, Palau, ... viện-binh Nhật tới đã tấn công dữ dội vào địch-quân và ở đảo Morotai quân Nhật cũng phản-công kịch-liệt — Không quân đồng minh đánh các đảo Bonins, Palmahra, Bornéo và cả Thái-lan.

Mặt trận Đông Âu

Tại các xứ Baltes — Ở Phần lan Hồng quân chiếm đóng các đảo trong nhóm đảo Aaland gần Thụy Điển (Đông Nam).

Ở Esthonia quân Nga đã tới bờ biển phía Tây và quân Đức đã rút lui ra 3 hòn đảo trấn áp vịnh Riga.

Ở Lettonie, Đức vẫn giữ vững một chiến tuyến quanh Riga từ phía Bắc kinh thành cho đến sông Dyina, xuống gần Jalgava.

Tại Ba-Lan, phía Nam, vùng núi Kırpathes Hồng quân chiếm Turda, tấn công rất mạnh vào biên thùy Tiệp-khắc và trên địa biên giới Hung-chiem Maku, Poldosk.

Tại nước Lô — Hồng quân cũng đồng thời đánh đến đất Hung. Ở phía dưới quân Nga lại vượt qua sông Danube đánh sang Nam-tư lập-phu về phía Belgrade.

Tại Nam tư lập-phu — có lẽ vì sự thế lực của Nga khuếch trương nhiều ở miền Balkans nên từ bữa 27-28 Septembre quân Anh Mỹ đã dò bộ xuống bờ biển Dalmatie và A banic. Nhưng theo một tin của Tiệp thì nghị viện Tito của Nam-tư hình như không cho phép các đại-biêu Anh Mỹ vào vùng Dalmatie do dân-quân kiểm soát. Trong khi đó dân quân Nam-tư liên-lạc với Hồng-quân đã vào tới Sopol cách Belgrade 30 cây số.

Mặt trận Tây Âu

Tại Bỉ quân đồng minh vẫn cố sức mở rộng khu đầu cầu trên sông đạo Anvers - Turnhout nhưng gặp sức kháng cự của quân Đức rất mạnh.

Ở Hà-lan trên đường Eindhoven-Nimègue quân Anh gần tới Bo-s-le-Duc — Những tàn quân Anh ở Arnhem đã vượt qua sông Leek để liên lạc với những đội quan kèn giữa khoảng hai sông Leek và Waal — Ở Đông Bắc Nimègue quân đôi bên đang kịch chiến.

Trên đất Đức, vẫn có kịch-chiến trong những khu Tây Clèves, Rothen và Stolberg. Ở Đông và Đông Nam Aix la Chapelle, quân Mỹ lại công kích vào chiến lũy Siegfried.

Ở Pháp, quân Đức vẫn kháng chiến mạnh mẽ ở những nơi cảng Lorient, Saint Nazaire, La Rochelle Royen và mom Verdon — Tại miền Đông-Bắc quân đôi bên đang cam cự ở chung quanh Chateau-Sains và Luneville và ở Đông-Bắc Belfort. Quân Đức phản công ráo riết.

D. B. D.

Ô-TÔ NHÀ LĂU,

CÁI MỘNG ĐỒ

SẼ THÀNH SỰ THỰC

NẾU CÁC NGÀI MUA VÉ SỐ DÒNG PHÁP (13)

HANOI — NHÀ SÁCH LỬA HỒNG - 92 SINH TỬ

Đã phát hành

DÒNG VỌNG

(IV)

*Tập bài hát lịch-sử và Thanh-niên của
Hoàng Quý, Lưu hữn Phước, Nguyễn
thành Nguyên, Mai văn Bộ, Văn Cao..*

Giấy thượng-hạng Giá 1\$00

SỨC SỐNG DÂN VIỆT-NAM

*Ba côóc nói chuyện của Đặng ngọc Tốt,
Đương đức Hiền. Nguyễn đình Thi
Trong Tổng Hội Sinh Viên. Giá 1\$50*

Đón mua

Đón mua

DÒNG VỌNG

I, II, III

— (IN LẦN THỨ HAI) —

TU SÁCH NGAY MỚI

SẮP PHÁT HÀNH

KHÔNG GIÁO

VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH

NGUYỄN UYÊN DIỄM *phê bình và nghiên cứu*

Tác giả nghiên cứu thật rõ ràng những
động lực xã hội và lịch sử giúp cho sự
thăng thê của không giáo và biểu lộ
thật rõ vai trò đảng cấp của không giáo.

DAI HỌC THU' XA

181, Henri d'Orléans — Hanoi

Giám đốc **LÊ MỘNG CẦU**

MỚI XUẤT BAN

KINH DỊCH

MỘT BỘ SÁCH (cổ nhất Đông-phương /
(lạ nhất nhân loại /

Toàn bộ 5 cuốn dày ngót 2000 trang

*

Giấy thường. 30\$00

Giấy đỏ, hộp lụa 75\$00

Giấy Bạch-minh-châu, hộp gấm (hết) . 200\$00

(Cước gửi 5\$00)

Thư và ngân phiếu xin gửi :
NHÀ IN MAI LÍNH HANOI

SÁCH MỚI

VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ YẾU

DƯƠNG QUẢNG HÀM

Giáo sư trường Trung-Học Bảo - Hộ Hà - nội
500 trang khổ lớn 15 × 22

DANH TỪ Y - HỌC

(Tập A và B)

PHẠM KHÁC QUANG, *Y-khoa Bác-sĩ*

LÊ KHÁC THIÊN, *Ngoại-trú Y-sinh*

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHÁNH

Luật-khoa Tiến-sĩ

Thẩm Phán tại tòa Thượng-thẩm Huế
350 trang khổ 13 × 20

NHÀ IN XUÂN THU 214, HÀNG BÔNG HÀ-NỘI